

Part 3 – Volume 2

Phần 3 – Quyển 2

Các Cặp Nguyên lý Tồn tại

Các Nguyên lý Đối lập và các Nguyên lý Hình thành đã phân tích cũng như lý giải và chứng minh về Quá trình Hình thành của Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội trên cùng những qui tắc tương đồng. Nhưng làm thế nào để Vũ trụ có thể tồn tại? Sự tồn tại của Vũ trụ là một trong năm Quá trình cơ bản của Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội. Nó khẳng định được sự hiện diện tất yếu của Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội và lại trở thành tiên đề cho các Quá trình Vận động, Biến đổi và Phát triển tiếp theo.

1. Cặp Nguyên lý Cân bằng Bền vững – Cân bằng Tạm thời

1.1. Nguyên lý Cân bằng Bền vững

Giống như Nguyên lý Tuyệt đối khẳng định rằng Vũ trụ ban đầu là một Tập Rỗng sao cho có thể được diễn đạt như sau:

$$U = \emptyset \Leftrightarrow U = 0$$

$$\Rightarrow U = P + N = 0$$

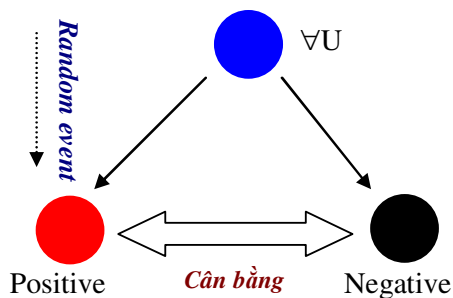
Điều đó có nghĩa là điều kiện ban đầu của Vũ trụ là ‘Tất cả phải bằng Không’. Đó chính là điều kiện Cân bằng Tuyệt đối và đó cũng chính là điều kiện của Nguyên lý Cân bằng Bền vững.

Hoặc, với Giá trị ban đầu của Vũ trụ khác Không, hệ thức tổng quát cho sự cân bằng được diễn đạt như dưới đây:

$$U \neq 0$$

$$\Rightarrow U = \text{Over}U + \text{Minus}U$$

$$\forall (|\text{Over}U| + |\text{Minus}U|) = 2U$$



Khi mọi Giá trị có thể có của Vũ trụ đều bằng Không thì mọi tương tác trong Vũ trụ đều bị triệt tiêu hoàn toàn. Vì tương tác chỉ được sinh ra khi và chỉ khi có sự sai lệch về Giá trị giữa các Lượng tử (trong điều kiện Tương đối) và có sự sai lệch khác Không so với Giá trị ban đầu bằng Không của Vũ trụ (trong điều kiện Tuyệt đối).

Trên cơ sở đó, Tam Nguyên Luận rút ra định luật sau đây:

Định luật 25: Vũ trụ chỉ cân bằng bền vững khi và chỉ khi mọi Sai lệch về Giá trị trong nó đúng bằng Không.

Có trừu tượng quá hay không!? Hoàn toàn không trừu tượng chút nào bởi vì tất cả đều đã được phân tích và lý giải ở trên.

Định luật nói trên khẳng định rằng, mỗi một khi mọi Sai số Giá trị trong Vũ trụ đúng bằng Không thì sự Cân bằng đó chính là sự Cân bằng Bền vững của Vũ trụ.

• **Hiệu ứng Cân bằng**

Hiệu ứng Cân bằng chính là Tiên đề của Hiệu ứng Sinh Cặp, nó bắt buộc Vũ trụ phải luôn sinh ra các Cặp Đối lập để Vũ trụ có thể cân bằng mà nhờ đó nó có thể tồn tại bền vững.

Vì Vũ trụ ban đầu bằng Không nên nếu vì một lý do nào đó có thể khiến cho Vũ trụ có thể sinh ra một Thực thể bất kỳ nào đó trong Vũ trụ thì Thực thể này cũng phải có các Giá trị đúng bằng Không theo hệ thức tổng quát như sau:

$$U = U_1 + U_2 + \dots + U_n = 0 \\ \Rightarrow U_1 = U_2 = \dots = U_n = 0$$

Làm thế nào để các Giá trị của các Thực thể luôn đúng bằng Không?

Đó chính là nhờ vào Hiệu ứng Sinh Cặp:

Trong đó, một thể được gọi là P và một Thể được gọi là N có giá trị bằng nhau tuyệt đối nhưng đối lập nhau về Thuộc tính (xem Hiệu ứng Sinh Cặp ở Phần 2 – Quyển 2) như sau:

$$U = \emptyset \Leftrightarrow U = 0 \\ \Rightarrow U = P + N = 0 \\ \Rightarrow P = -N$$

Đây là Hiệu ứng Sinh Cặp, như trên vừa nêu: Hiệu ứng Sinh Cặp xảy ra trên cơ chế cân bằng bắt buộc của Hiệu ứng Cân bằng. Có thể lấy một vài dẫn chứng về Hiệu ứng Cân bằng thông qua các Phản ứng Sinh Cặp như dưới đây:

Vật lý Photon – Hạt

Do sự va chạm của Photon năng lượng cao (bước sóng siêu ngắn) vào Hạt nhân nặng sẽ sinh ra một Cặp hạt gồm Hạt và Phản hạt của nó, ví dụ, sự tạo thành một Electron và Phản hạt của nó là Positron như hệ thức dưới đây:

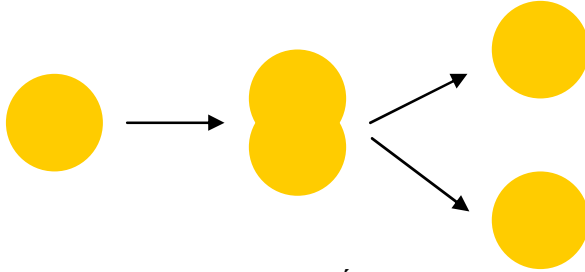
$$\gamma = e^+ + e^-$$

Trong đó, γ là Photon có giá trị Năng lượng $E \geq 2m_e.C^2$, với m_e là khối lượng của Electron hoặc của Positron và C là vận tốc của Photon (Electron và Phản hạt của nó là Positron bằng nhau về khối lượng). e^+ là Phản hạt của Electron, mang điện Dương. e^- là Electron, mang điện Âm.

Trong Phản ứng Sinh Cặp này, có hai Cân bằng được xảy ra đồng thời gồm Cân bằng Khối lượng – Năng lượng và Cân bằng Điện tích.

Ngoài ra, còn nhiều Hiệu ứng Sinh Cặp khác xảy ra trong Vật lý.

Nhân đôi Tế bào



Sự nhân đôi của các Tế bào Sinh học

Sinh học Hiện đại cũng từng xác nhận và chứng minh được rằng mọi thể Sinh học luôn phát triển theo cơ chế tự nhân đôi Tế bào như được minh họa bởi hình bên.

Sự nhân đôi Tế bào Sinh học khác với sự ‘Nhân đôi’ cấu trúc Vật lý ở chỗ là các quá trình nhân đôi cấu trúc Vật lý của Vũ trụ và Tự nhiên là

luôn tạo ra một Cặp Đối lập theo hình thức của Lưỡng Nghi gồm một Âm và một Dương. Còn đối với Sinh học thì sự nhân đôi lại tạo ra hai Tế bào mới từ một Tế bào ban đầu với cấu trúc hoàn toàn giống nhau (không tạo ra sự đối lập nhau).

Vậy nhưng, trên thực tế, tuy rằng Cặp Tế bào mới được sinh ra giống nhau hoàn toàn để có thể coi là không đối lập nhau thì chúng vẫn được qui định theo Nguyên lý Đối lập (xem mục 2.1) là trong Cặp Tế bào mới được sinh ra thì bao giờ chúng cũng phải được qui định một Tế bào được coi là Dương và Tế bào kia phải được coi là Âm.

Thật vậy, Cấu trúc Sinh học thực hiện Cơ chế Cân bằng theo hình thức Đối xứng Cấu trúc sao cho bất kỳ Cấu trúc nào cũng có thể được chia thành hai phần đối xứng nhau: Hiệu ứng Âm – Dương sẽ tự ‘qui định’ một phần là Âm và phần kia là Dương. Vì thế, quá trình phát triển của các cơ thể Sinh học luôn dựa trên Cơ chế Đối xứng để luôn tạo ra sự Nhân đôi Tế bào Đối xứng nhằm tạo ra sự Cân bằng Sinh học.

1.2. Nguyên lý Cân bằng Tạm thời

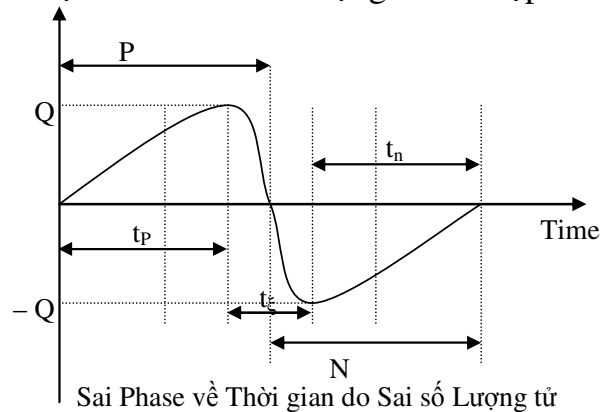
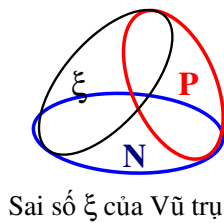
Nguyên lý Tương đối khẳng định rằng Vũ trụ không bao giờ có thể tạo ra sự bằng nhau tuyệt đối giữa các Thể Đối lập mà giữa chúng luôn tạo ra Sai số Lượng tử ξ để tạo ra một phần tử thứ ba (Lượng tử thứ ba) như hệ thức dưới đây:

$$U = P + N + \xi = 0$$

Như đã được giải thích ở Phần 2 – Quyển 2. Vũ trụ sinh ra Sai số ξ giữa các Thể Đối lập (Lưỡng Nghi) P và N là do Hiệu ứng Lệnh Phase giữa P và N. Sự sai lệch này luôn khiến cho Vũ trụ phải gây nên sự tương tác mạnh giữa P và N để tạo ra một lượng bù sai đúng bằng Sai số giữa P và N để làm cho P và N có thể bằng nhau nhằm giúp cho Vũ trụ có thể đạt được sự Cân bằng Tuyệt đối hay còn gọi là Cân bằng Bền vững.

Nhưng thực tế rất trái ngược với ‘Chân lý’ rằng Vũ trụ không thể tồn tại với Nguyên lý Cân bằng Bền vững tức là không thể tồn tại nếu nó có thể triệt tiêu được mọi Sai số Lượng tử có thể có giữa các Cặp Lượng tử Đối lập (vì lúc đó sự bằng nhau tuyệt đối giữa các Lượng tử Đối lập sẽ làm cho chúng bị triệt tiêu nhau theo từng Cặp) mà chỉ có thể tồn tại khi có các Sai số này.

Vì vậy, **sự chấp nhận các Sai số trong Quá trình Tồn tại, Vận động và Biến đổi cũng như Phát triển của Vũ trụ chính là Nguyên lý Cân bằng Tạm thời hay còn gọi là Cân bằng Động**: Các Sai số sẽ luôn được sinh ra và luôn được điều chỉnh liên tục do sự bám theo của Lượng tử Đối lập N...



Sai Phase về Thời gian do Sai số Lượng tử

Nhờ có các Sai số giữa các Lượng tử trong các Cặp Lượng tử Đối lập mà chúng sẽ sai khác nhau về Phase cả trên phương diện Thời gian cũng như cả về Không gian: Xác suất xuất hiện của các Lượng tử Âm không xảy ra cùng lúc với các Lượng tử Dương cũng như không xuất hiện trên cùng một Vị trí trong Không gian nên cơ hội để tạo ra sự trùng phùng hay va chạm có thể giữa các Lượng tử Đối lập sẽ không xảy ra nên các Lượng tử Đối lập không triệt tiêu được nhau.

• **Hiệu ứng Điều khiển**

Tam Nguyên Luận cho rằng, trong điều kiện tuyệt đối $U = 0$ thì nếu Vũ trụ có thể sinh ra một Thực thể nào đó là $U_1 \neq 0$ thì nó sẽ làm cho Vũ trụ bị mất cân bằng như điều kiện ban đầu của nó. Giá trị của U_1 sẽ gây ra một Ứng suất Vũ trụ để làm cho Vũ trụ ngay lập tức phải sinh ra một Thực thể khác là U_2 đối lập với U_1 để tổng giá trị của chúng phải đúng bằng Không như dưới đây:

$$U = 0$$

$$U_1 \in U \text{ and } U_1 \neq 0$$

$$\Rightarrow \exists U_2 \in U \text{ and } U_2 = -U_1$$

Trong đó, U_1 và U_2 là các Lượng tử lần lượt được sinh ra trong Vũ trụ.

Vậy nhưng, ‘ngay lập tức’ không có nghĩa là đồng thời U_1 và U_2 được sinh ra cùng lúc mà U_2 sẽ phải được sinh ra sau U_1 một khoảng thời gian nhất định. Mục đích sinh ra U_2 như đã lý giải ở phần trên là nhằm để triệt tiêu Sai số của Vũ trụ do U_1 . **Đó chính là Hiệu ứng Điều khiển Vũ trụ.**

Thật vậy, sở dĩ U_2 được sinh ra là vì do sự xuất hiện của U_1 trong Vũ trụ đã làm cho Vũ trụ bị mất cân bằng. Nếu không có U_1 thì chắc chắn U_2 không thể được sinh ra. Như vậy, U_2 được điều khiển bởi U_1 .

Như vậy, phải có sự tồn tại của U_1 thì U_2 mới có thể được sinh ra. Vì thế, U_2 phải được sinh ra muộn hơn so với U_1 . Tức là, U_2 được điều khiển bởi U_1 : U_2 luôn bị chi phối bởi U_1 và chịu ảnh hưởng rất lớn của U_1 ...

Hiệu ứng Điều khiển nhằm tạo ra sự bám theo giữa các phần tử được sinh ra trong một Cặp Đối lập do xảy ra không đồng lúc vì thế sự bám theo này không thể tạo ra sự bằng nhau về Giá trị Tuyệt đối giữa chúng mà chỉ với mục đích là hiệu chỉnh làm giảm tới mức tối thiểu cho phép của các Sai số có thể có để tạo ra sự Cân bằng Tạm thời mà thôi.

Dựa trên nguyên tắc này, Kỹ thuật Điều khiển trong Kỹ thuật – Công nghệ Hiện đại có thể vận dụng để thiết lập các Quy tắc Điều khiển một cách tương tự theo tiên đề ‘bám sát mục tiêu’ nhằm triệt tiêu Sai số giữa Mục tiêu với Phần tử được điều khiển.

Trên cơ sở đó, Tam Nguyên Luận rút ra định luật thứ nhất của Nguyên lý Tương đối và là định luật như sau:

Định luật 26: Sai số giữa Các Lượng tử trong Cặp Đối lập điều khiển sự bám theo giữa Lượng tử có Giá trị bé đối với Lượng tử có Giá trị lớn.

$$U = P + N + \xi = 0$$

Trong đó, nếu P lớn hơn N về Giá trị Tuyệt đối thì P sẽ điều khiển N . Ngược lại, nếu P bé hơn N về Giá trị Tuyệt đối thì P sẽ bị N điều khiển.

Quá trình hình thành và phát triển của Vũ trụ cũng như Tự nhiên và Xã hội đã tạo ra vô số các Cặp Lượng tử nên chúng luôn điều khiển lẫn nhau. Tuy vậy, **Lượng tử nào có Giá trị Tuyệt đối lớn nhất thì Lượng tử đó sẽ ‘nắm quyền’ điều khiển Vũ trụ.** Đó là Quy luật tất yếu của Tự nhiên.

Tam Nguyên Luận phát triển thành định luật tổng quát như sau:

Định luật 27: Lượng tử có Giá trị Tuyệt đối lớn nhất trong Vũ trụ điều khiển toàn bộ Vũ trụ.

Định luật này khẳng định một cách hùng hồn và biện chứng rằng Con người là một Thực thể thông minh nhất của Vũ trụ nên Con người có thể đạt được Giá trị Tinh thần lớn nhất trong Vũ trụ và Giá trị Tinh thần cũng có thể được qui đổi thành một Giá trị tương đương với Giá trị Vũ trụ mà vì vậy Con người có thể dùng Tinh thần của bản thân mình để điều khiển Vũ trụ.

Thực tế đã chứng minh rằng Con người có những khả năng rất kỳ lạ: Các Trường phái Yoga của Ấn độ đã có thể tu luyện được để có thể hấp thụ Năng lượng của Vũ trụ cho sự tồn tại của cơ thể thay thế cho việc ăn uống hằng ngày. Hoặc con người cũng có thể bay lên khỏi mặt đất mà không cần các phương tiện và thiết bị hỗ trợ... cũng như Chương trình Truyền hình Chuyện lạ Việt nam cũng đã từng dẫn những hiện tượng người phóng điện và người dẫn điện... Tất cả những hiện tượng đó thực chất có bản chất chung là **Con người có thể điều khiển Vũ trụ:**

Trong một tương lai không xa, Con người sẽ biết cách khai thác được những **Nguyên lý Điều khiển Vũ trụ bằng Tinh thần** mạnh hơn chẳng hạn có thể lấy được một vật bất kỳ từ xa bằng ý chí (tương tự, hiện tượng chữa bệnh từ xa bằng ý chí cũng chính là một trong những Nguyên lý Điều khiển Vũ trụ bằng Tinh thần)...

Hiện nay, những năng lực đặc biệt của Con người đã được phát hiện hầu hết chỉ có tính tự phát. Chưa nắm bắt được tính Khoa học thực thụ nên chưa thể phát huy được năng lực điều khiển tối đa cũng như không thể phát huy một cách phổ biến...

Nói tóm lại, Con người có thể điều khiển Vũ trụ trên những ‘Pháp thuật’ mạnh hơn như có thể ‘Hô phong – Hoán vũ’ tức là có thể hô mưa gọi gió để có thể dùng Tinh thần của mình làm ra mưa – gây ra gió... là điều có thể làm được mà không hề huyền hoặc cũng như không phải là mê tín – duy tâm phản Khoa học.

Tất cả đều dựa vào các Định luật Điều khiển Vũ trụ mà trên đây là định luật tổng quát: ‘Mạnh điều khiển Yếu – Lớn chi phối Bé – Trước cường bức Sau’:

Chi phối, Điều khiển và Cường bức thực chất đều là các hình thức của Điều khiển. Tất cả đều khẳng định tính tất yếu của Ý thức – Tinh thần của Con người có thể có ‘Sức mạnh Vô biên – Tối thượng’ vì ngoài Con người không một Thực thể nào trong Vũ trụ có thể tồn tại Ý chí – Tinh thần.

Con người chỉ thua kém Vũ trụ duy nhất có một điều đó chính là vì Con người sinh ra sau khi Vũ trụ đã được hoàn thiện nên Con người bị Vũ trụ ‘cường bức’ về cơ cấu Sinh học cũng như theo Phương Đông Cổ đại định mệnh hay số mệnh của Con người luôn bị Vũ trụ chi phối.

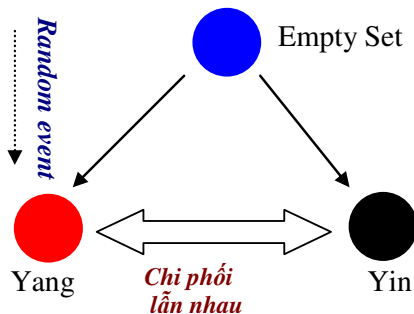
Nhưng cũng chính nhờ vào việc Con người sinh ra sau Vũ trụ nên Con người mới đạt được những Giá trị vượt bậc (đạt được những Tinh túy của Vũ trụ) như các Nguyên lý Phát triển ở Phần 6 – Quyển 2 sẽ chứng minh rằng các Lượng tử càng sinh ra sau sẽ càng đạt được những Giá trị càng lớn nên Con người hơn hẳn Vũ trụ hai điều đó là con người mạnh hơn Vũ trụ về Ý chí và Con người lớn hơn Vũ trụ về Tinh thần... Cái mà chỉ có Con người mới có mà Vũ trụ không thể có đã khiến cho Con người trở thành ‘Thượng

đề' có 'uy lực' mạnh hơn Vũ trụ nên Con người và chỉ có Con người mới có thể điều khiển và chi phối cũng như cưỡng bức được Vũ trụ.

- **Hiệu ứng Lực lượng**

Như trên vừa đề cập, Con người có thể điều khiển Vũ trụ: Cả Vũ trụ vô cùng to lớn vĩ đại trong lúc Con người hết sức nhỏ bé cũng như con người chỉ là một Thực thể của Vũ trụ và do chính Vũ trụ sinh ra vậy thì làm sao con người có thể có sức mạnh để có thể điều khiển cả Vũ trụ!?

Đó chính là nhờ vào Hiệu ứng Lực lượng, đây là hiện tượng xảy ra rất phổ biến trong Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội nói chung. Tam Nguyên Luận khẳng định và có thể chứng minh rằng một mặt U_1 điều khiển và chi phối U_2 nhưng khi U_2 được sinh ra thì nó cũng sẽ điều khiển ngược lại đối với U_1 .



U_2 sẽ tạo ra Ngưỡng xác định của U_1 , không chế U_1 không thể vượt quá một Giới hạn được xác định. Đó chính là Hiệu ứng Lực lượng.

Hiệu ứng Lực lượng là một hiện tượng được định nghĩa bởi sự phân biệt Ngưỡng Giới hạn Giá trị xác định của các Lượng tử trong một Cặp Đối lập nhau. Hiệu ứng Lực lượng có hai trường

hợp như dưới đây:

Trường hợp Thực thể ban đầu là một Tập Rỗng có Giá trị bằng Không, ứng với Nguyên lý Tuyệt đối, nó phải tạo ra Cặp Đối lập bằng nhau về Giá trị Tuyệt đối sao cho tổng các giá trị của chúng phải bằng Không. Tức là các Lượng tử trong Cặp đó phải bằng nhau về Lực lượng.

Đó là điều hiển nhiên, nhưng vấn đề quan trọng nhất là Lực lượng giữa chúng được cho phép là bao nhiêu?

Đây là câu hỏi mà Vật lý Hiện đại và Khoa học Hiện đại không bao giờ có thể trả lời được nhưng đối với Tam Nguyên Luận và Khoa học Phương Đông Cổ đại thì quá sức dễ dàng (xem tiếp các phần sau).

Trong phần này chỉ trả lời hai câu hỏi quan trọng nhất đó là:

Ảnh hưởng như thế nào giữa các Lượng tử Đối lập trong một Cặp?

Hai Lượng tử bất kỳ có thể trở thành một Cặp Đối lập hay không?

Câu hỏi thứ nhất được trả lời qua sự dẫn chứng về Hiệu ứng Sinh Cặp được tạo ra từ các va chạm của Photon γ để tạo ra các Cặp Hạt và Phản hạt của nó: Các Photon γ được coi là các Tập Rỗng, Hạt và Phản hạt của nó bằng nhau về Giá trị Tuyệt đối như sau:

$$\gamma = e^+ + e^-$$

Trong đó, e^- là Electron và e^+ là Phản hạt của Electron (là Positron). Với khối lượng của chúng bằng nhau tuyệt đối và mang điện trái dấu nhau.

Như vậy, Hạt và Phản hạt của nó có thể mạnh ngang nhau (tương quan nhau về Lực lượng) nếu xét đơn thuần về phương diện Giá trị (Khối lượng cũng như về Điện tích). Nhưng nếu xét về phương diện Thuộc tính thì Hạt và Phản hạt mang Thuộc tính trái ngược nhau hoàn toàn nên Thuộc tính mà Hạt có thì Phản hạt không thể có.

Ngược lại, Thuộc tính mà Phản hạt có thì Hạt không có: Trên phương diện Thuộc tính thì Hạt mạnh hơn Phản hạt về Thuộc tính Âm một cách tuyệt đối (Hạt ở đây là Electron mang điện Âm) vì Phản hạt của nó không có Thuộc tính Âm (vì ở đây, Phản hạt là Positron chỉ mang điện Dương mà không có điện Âm). Nhưng ngược lại, Positron mạnh hơn Electron về điện Dương một cách tuyệt đối.

Vì thế, nếu trên phương diện Âm điện thì Electron chi phối Positron một cách tuyệt đối nhưng trên phương diện Dương điện thì Positron lại chi phối Electron một cách tuyệt đối.

Điều này có ý nghĩa gì? Ưu thế của Lực lượng chỗ là nhờ vào đặc điểm riêng biệt của Thuộc tính. Thuộc tính mà Lượng tử này có (dù là rất nhỏ) nhưng Lượng tử khác không có cũng khiến cho nó mạnh hơn Lượng tử khác. Đó chính là hàm ý rất quan trọng nhất của Hiệu ứng Lực lượng.

• *Hiệu ứng Ngẫu cảm*

Hiệu ứng Ngẫu cảm nhằm để phân tích cũng như lý giải và trả lời cho câu hỏi thứ hai nói trên.

Hãy lấy ví dụ về Cặp được tạo bởi Neutron và Proton: Proton mang điện Dương và Neutron là Hạt trung hoà không mang điện nhưng khi ghép Cặp với nhau, Proton vẫn là Hạt mang điện Dương Tuyệt đối nhưng Neutron sẽ trở thành ‘mang điện Âm Tương đối’ so với Proton. Vì vậy, nếu Proton mang điện là +1 (Tuyệt đối) thì Neutron sẽ mang điện là -1 (Tương đối) nhưng Tổng điện tích Tuyệt đối của Neutron và Proton cũng chỉ đúng bằng 1 (Tổng điện tích Tuyệt đối giữa một Proton với một Electron bằng 2).

Ngược lại, nếu gọi Thuộc tính Trung hoà của Neutron là A (Tuyệt đối) thì Thuộc tính này cũng sẽ gây nên một sự ‘cảm ứng’ đối với Proton để tạo ra một Thuộc tính ngược lại là -A (Tương đối) để Proton cũng có một Thuộc tính đối nghịch với Neutron.

Hiện tượng nói trên được gọi là Hiệu ứng Ngẫu cảm: Sự Ngẫu cảm là hiện tượng tự gây ra những Thuộc tính trái ngược tương đối giữa hai Lượng tử bất kỳ để tạo ra sự đối kháng giữa hai Lượng tử bất kỳ.

Hiện tượng này cho phép lý giải và minh chứng một cách hùng hồn và có tính biện chứng rằng: Mọi Suy nghĩ và Hành động của Con người cũng

đều luôn tạo ra ‘ảnh’ của nó đối với mọi Vật thể có thể có trong Vũ trụ và Tự nhiên. Vì vậy, những Suy nghĩ và Hành động của Con người cũng luôn gây nên những ảnh hưởng rất đáng kể (chi phối) đối với Vũ trụ và Tự nhiên...

Ngược lại, Quá trình Vận động và Biến đổi cũng như Phát triển của Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội nói chung đều luôn tạo ra ‘ảnh’ của nó trong Con người dưới dạng Tiềm năng của Vô thức (hay còn gọi là Tiềm thức). Vì vậy, Quá trình Vận động và Biến đổi cũng như Phát triển của Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội nói chung một mặt gây nên sự chi phối và điều khiển đối với Con người nhưng một mặt khác nó cũng tạo nên cho Ý thức – Vô thức của con người những cảm nhận trên phương diện Thông tin về Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội: Con người có thể tự dự đoán trước và nắm bắt được những Thông tin về Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội rất sớm trước khi Sự vật – Hiện tượng đó thực sự xảy ra.

Như vậy, nếu Con người biết cách tập trung Ý chí và Hành động vào một mục đích nhất định thì có thể hoặc là điều khiển được Vũ trụ hoặc là có thể biết trước được Thông tin hoặc cũng có thể khám phá được những bí mật chưa biết của Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội...

Tam Nguyên Luận rút ra định luật thứ sáu như sau:

Định luật 28: Hai Lượng tử bất kỳ có thể trở thành Cặp Lượng tử có tính Ngẫu cảm chi phối lẫn nhau: Trong mỗi Lượng tử luôn xuất hiện Thuộc tính Đôi lập so với Lượng tử kia.

Định luật nói trên cũng có thể được diễn đạt lại theo một cách khác: Hai Lượng tử bất kỳ có thể trở thành Cặp Lượng tử Ngẫu cảm, Lượng tử này trở thành ‘ảnh’ của Lượng tử kia.

$$U = U_1 + U_2$$

$$A(U_1) = -U_2 \rightarrow |A(U_1)| + |U_2| = 2|U_2|$$

$$A(U_2) = -U_1 \rightarrow |A(U_2)| + |U_1| = 2|U_1|$$

U là Cặp được tạo bởi hai Lượng tử bất kỳ U_1 và U_2 , $A(U)$ được gọi là hàm Ngẫu cảm Thuộc tính hay còn gọi là ‘Ảnh’ của Thuộc tính do Lượng tử khác tác động vào Lượng tử đang xét.

2. Cặp Nguyên lý Thích nghi – Bất buộc

Như trên vừa trình bày, Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội có thể tồn tại được là nhờ vào các Quá trình Cân bằng Tạm thời (Cân bằng Động) để hướng tới sự Cân bằng Bền vững.

Quá trình tiến dần từ các chế độ Cân bằng Động đến sự Cân bằng Bền vững luôn được xác định bởi những khả năng Thích nghi của Quá trình Tồn tại, Vận động, Biến đổi và Phát triển của mọi Sự vật – Hiện tượng trong Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội nói chung.

2.1. Nguyên lý Thích nghi

Vũ trụ, Tự nhiên cũng như Xã hội luôn phát triển theo Nguyên lý Nhân đôi số lượng Lượng tử và Giá trị Lượng tử của chúng. Vì vậy, Giá trị của các Lượng tử luôn thay đổi cũng như số lượng các Lượng tử cũng luôn tăng lên không ngừng. Ứng với mỗi Giá trị cũng như ứng với mỗi số lượng Lượng tử tồn tại trong Vũ trụ thì các Lượng tử luôn phải được xác định lại Vị trí Tồn tại, Tốc độ chuyển động và Phương chuyển động... của chúng trong Vũ trụ.

Tất cả mọi sự biến đổi kéo theo của các Lượng tử trong Quá trình Phát triển của Vũ trụ đều phải được xác định bởi những khả năng Thích nghi của Lượng tử đối với những thay đổi của Vũ trụ.

Thật vậy, nếu Giá trị ban đầu của Lượng tử khác Không thì nó luôn có thể tạo thành một cặp Lượng tử đối lập để có thể thích nghi về Giá trị theo hệ thức dưới đây:

$$U \neq 0$$

$$\Rightarrow U = \text{Over}U + \text{Minus}U$$

Trong đó, OverU có giá trị lớn hơn Giá trị ban đầu của U được gọi là Thái Lượng tử (Thái Vũ trụ), MinusU có giá trị Âm bé hơn giá trị ban đầu của U được gọi là Thiếu Lượng tử (Thiếu Vũ trụ):

OverU và MinusU luôn thích nghi lẫn nhau vì sự đối kháng giữa chúng luôn làm cho Tổng các Giá trị của chúng có thể quay trở về Giá trị ban đầu đã sinh ra chúng. Nhưng bản thân chúng vẫn tồn tại bền vững.

Trong trường hợp, nếu Giá trị ban đầu của Lượng tử đúng bằng Không thì nó cũng có thể ‘bán rã’ bởi Nguyên lý Tuyệt đối theo hệ thức dưới đây:

$$U = 0$$

$$\Rightarrow U = U_P + U_N$$

Trong đó, U_P là Lượng tử Dương (Nghĩ Dương) và U_N là Lượng tử Âm (Nghĩ Âm). Trong trường hợp này U_P và U_N cũng luôn thích nghi lẫn nhau để có thể hợp nhất thành U bằng Không ban đầu.

Như vậy, trong cả hai trường hợp thì trước hết, sự Thích nghi giữa các Lượng tử của một Cặp Lượng tử bất kỳ luôn được xác định bởi các điều kiện Cân bằng Bền vững

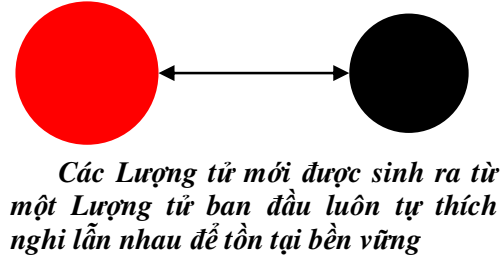
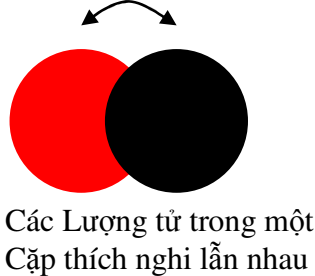
Trên cơ sở đó, Tam Nguyên Luận rút ra định luật dưới đây:

Định luật 29: Cặp Lượng tử bất kỳ có thể tồn tại thích nghi lẫn nhau khi các Lượng tử của nó đạt được những điều kiện Cân bằng Tuyệt đối.

Thực ra, nếu đưa ra các điều kiện Cân bằng Tuyệt đối để xây dựng thành nội dung của một định luật thì không được thoả đáng nhưng không có

cách nào hơn thế. Tuy vậy, vẫn có thể có một cách diễn đạt khác không cần phải kế thừa các điều kiện của Nguyên lý Cân bằng Tuyệt đối như sau:

Định luật 29: Các Lượng tử có trong một Cặp bất kỳ luôn tự thích nghi lẫn nhau.



Thật vậy, nó khẳng định một cách chắc chắn rằng, mỗi một khi chúng đã được tạo thành một Cặp thì tự chúng luôn phải thích nghi lẫn nhau.

2.2. Nguyên lý Bất buộc

Thực tế trong Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội luôn xảy ra nhiều Sự vật và Hiện tượng phải thích nghi trong những điều kiện bất buộc (Thích nghi Bất buộc). Ví dụ, Con người đang phải đối mặt với Thời tiết trên Trái đất đang ngày một trở nên khắc nghiệt dần cũng như một người ở Khu vực có Khí hậu Nhiệt đới khi vừa mới đến ở một Khu vực Khí hậu Hàn đới thì người này cũng phải đối mặt với sự Thích nghi Bất buộc với Khí hậu lạnh vốn dĩ không thích nghi với người được sinh ra và lớn lên trong Khí hậu Nhiệt đới.

Vấn đề này nói lên điều gì? Đó chính là từ một thay đổi của một điều kiện ‘nguồn’ sẽ dẫn đến sự thay đổi kéo theo của một Sự vật – Hiện tượng khác nhằm tạo ra một Đáp ứng Thích nghi phù hợp với điều kiện thay đổi.

• Hiệu ứng Bám

Sự thay đổi kéo theo của Sự vật – Hiện tượng bất kỳ nhằm tạo ra Đáp ứng Thích nghi của nó đối với sự Thay đổi của Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội nói chung được gọi là Hiệu ứng Bám: Hiệu ứng Bám nhằm tạo ra sự thích nghi cho Sự vật – Hiện tượng khi Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội thay đổi.

Vũ trụ ngày một tăng trưởng không ngừng làm cho mọi Giá trị có thể có của nó luôn tăng trưởng gấp đôi (Giá trị Tương đối) sẽ làm cho Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội mất cân bằng và được diễn đạt bởi các hệ thức dưới đây:

$$\begin{aligned} U_R &= R[\text{Minus}U, \text{Over}U] \\ &= |\text{Over}U| + |\text{Minus}U| \\ &= 3U/2 + 1/2 U = 2U \end{aligned}$$

Về mặt Giá trị thuần túy thì Giá trị của các Lượng tử mới sinh tăng lên gấp đôi. Vậy nhưng chắc gì các Lượng tử trong một Cặp Đối lập luôn thoải mái tăng lên theo cùng một hệ số!?

Đó mới chính là mâu chốt của vấn đề. Thật vậy, các phân trình bày trước đã phân tích và lý giải rằng luôn tồn tại một Sai số Lượng tử ξ giữa hai Lượng tử Đối lập trong cùng một Cặp khiến cho Tổng các Giá trị của chúng không thể quay trở về với Giá trị ban đầu của Lượng tử mẹ đã sinh ra chúng.

Vì lẽ đó, Vũ trụ cũng như Tự nhiên và Xã hội đã phải chấp nhận sự tồn tại của Sai số này và luôn bắt buộc các Lượng tử Đối lập phải xác định mối quan hệ sao cho có thể làm giảm tới mức tối thiểu Sai số ξ giữa chúng như hệ thức dưới đây:

$$U = 0$$

$$\Rightarrow U = P + N + \xi = 0$$

Hoặc

$$U \neq 0$$

$$\Rightarrow U = \text{Over}U + \text{Minus}U + \xi$$

Đó chính là các hệ thức mô tả Hiệu ứng Bám: Vì N bé hơn P nên N luôn phải bám theo P sao cho Sai số giữa N và P giảm xuống tới mức nhỏ nhất có thể. Tương tự, MinusU phải bám theo OverU để có thể làm giảm Sai số ξ của chúng.

Nguyên nhân đó bắt buộc các Lượng tử mới phải tồn tại với nhau theo từng Cặp và thành từng Hệ để có thể bám theo lẫn nhau sao cho có thể hoặc làm giảm tới mức nhỏ nhất các Sai số hoặc giữ nguyên được Giá trị Sai số không đổi trong suốt Quá trình thay đổi của Vũ trụ.

Tam Nguyên Luận rút ra định luật dưới đây:

Định luật 30: Hai Lượng tử bất kỳ đạt được sự thích nghi lẫn nhau khi chúng có thể đạt được một Sai số nhỏ nhất với Giá trị không đổi hoặc với Tỷ số Giá trị giữa các Lượng tử không đổi.

Nghĩa là, nếu

$$\xi \rightarrow 0 \text{ and } \xi = \text{Constant}$$

Hoặc là

$$\xi \rightarrow 0 \text{ and}$$

$$P/N = \text{Constant or Over}U/\text{Minus}U = \text{Constant}$$

Như vậy, từ sự Thích nghi Bắt buộc, các Lượng tử luôn hướng tới sự Tự Thích nghi.

2.3. Các hình thức Thích nghi

Có ba hình thức Thích nghi gồm Thích nghi Đồng Phase, Thích nghi Nghịch Phase và Thích nghi Lệch Phase tùy thuộc vào từng Sự vật – Hiện tượng và thời điểm cũng như nơi xảy ra những biến đổi của ‘môi trường xung quanh’ của Sự vật – Hiện tượng đang xét. Cần phải nghiên cứu thêm những trường hợp cụ thể. Dưới đây chỉ trình bày về phương diện lý thuyết:

- **Thích Nghi Đồng Phase**

Đây là sự Thích nghi tất yếu của Vũ trụ và Tự nhiên nói chung, những biến đổi của mọi Sự vật – Hiện tượng luôn bám theo các thay đổi của Vũ trụ và Tự nhiên nói chung.

Ví dụ, các hệ thức nói trên mô tả sự bám theo của N đối với những thay đổi của P hoặc của MinusU đối với những thay đổi của OverU. Thì đó chính là sự Thích nghi Đồng Phase của N (hoặc MinusU) đối với P (hoặc OverU). Tức là theo cùng chiều biến đổi của ‘nguồn’.

- **Thích nghi Nghịch Phase**

Đây chính là sự Thích nghi phần lớn của Giới Sinh học mà cụ thể là Con người. Thật vậy, ngược lại với những biến đổi của Khí hậu và Thời tiết: Cơ thể của Con người không thể lạnh theo khi bên ngoài trở nên lạnh. Ngược lại, Con người cũng không được phép nóng lên khi môi trường xung quanh Con người rất nóng.

Để có thể thích nghi được với những biến đổi của Thời tiết và Khí hậu thì Con người phải có những biến đổi ngược lại. Tức là khi môi trường bị nóng lên thì Con người phải tìm cách giải thoát bớt nhiệt trên cơ thể bằng cách ra mồ hôi... Ngược lại, khi trời lạnh thì Con người phải tìm cách giữ nhiệt và sinh ra nhiệt để sưởi ấm cơ thể.

- **Thích nghi Lệch Phase**

Đây chính là sự Thích nghi phổ biến của mọi Sự vật – Hiện tượng trong Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội.

Thật vậy, dù là Sự vật – Hiện tượng có tập quán Thích Đồng Phase hay Nghịch Phase thì thực tế sự Đồng Phase hay Nghịch Phase này cũng không thể trùng Phase hoặc ngược Phase một cách tuyệt đối mà luôn xảy ra sự ‘di’ Phase làm cho Phase đáp ứng thích nghi luôn bị lệch đi và được gọi là Trễ Phase hay còn gọi là Đáp ứng Trễ.

Sự Đáp ứng Trễ tạo ra cho Sự vật – Hiện tượng một đặc tính được gọi là ‘Quán tính’ hay còn gọi là ‘độ ỳ’ làm cho Sự vật – Hiện tượng luôn thích ứng chậm hơn với những tác động hoặc biến đổi của Vũ trụ, Tự nhiên...

Cũng nhờ như vậy mà tính ổn định của Vũ trụ, Tự nhiên cũng như Xã hội được ‘tôn trọng’ và tạo nên một đặc tính được gọi là Tập quán:

2.4. Vai trò và ảnh hưởng của Thích nghi

Thích nghi có những vai trò và ảnh hưởng rất quan trọng trong việc hình thành nên nhiều đặc tính Vật lý – Sinh lý cho các Sự vật – Hiện tượng của Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội. Đặc biệt là con người...

Nhờ có sự thích nghi mà các biến đổi và tác động của Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội chỉ được xảy ra trên từng lượng nhỏ nên nó có tính ổn định...

- **Tập quán**

Tập quán là một đặc tính ‘cố chấp’ luôn tuân thủ những điều kiện đã được thích nghi của Sự vật – Hiện tượng đối với những tác động và biến đổi của Vũ trụ và Tự nhiên cũng như Xã hội.

Như vậy, Tập quán vốn là những gì đã được thích nghi nên nếu Vũ trụ thay đổi những điều kiện thích nghi của nó thì lập tức Sự vật – Hiện tượng sẽ tạo ra những ‘phản kháng’ chống lại sự thay đổi đó mà nhờ vậy nó giảm bớt được ảnh hưởng của những thay đổi và cũng có nghĩa là có tác dụng làm ổn định những biến đổi có thể xảy ra trong Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội.

- **Hiệu ứng Điều ổn**

Điều ổn cũng là một trong những đặc tính của sự thích nghi tự nhiên như vừa trình bày trên (Tập quán). Nhờ vào Tập quán và các đặc tính Thích nghi mà những biến đổi của Vũ trụ và Tự nhiên cũng như Xã hội chỉ xảy ra trên từng lượng cho phép, không thể xảy ra một cách đột biến mà nhờ đó Vũ trụ cũng như Tự nhiên và Xã hội luôn được điều ổn đều đặn.

Ví dụ, nhờ Tập quán cơ bản của con người vốn yêu tự do, thích hoà bình cho nên cho dù nhiều thế lực thù địch muốn gây chiến tranh nhưng những cuộc tranh lớn từng xảy ra trên Thế giới (Đại Thế Chiến) cũng chỉ xảy ra lần lượt trên từng Quốc gia, không thể xảy ra đồng loạt trên toàn Thế giới mà nhờ đó tuy rằng có sự bất ổn trên từng Quốc gia (cục bộ địa phương) nhưng trên toàn Thế giới thì nó vẫn giữ được ổn định.

Tương tự, các vụ nổ trên Mặt trời và các Thiên thể Siêu nặng tuy rằng nó xảy ra thường xuyên và liên tục nhưng chúng không bao giờ xảy ra đối với toàn bộ Vật chất của Mặt trời hoặc của Thiên thể Siêu nặng. Tức là chỉ có một phần Vật chất của Mặt trời tham gia vào vụ nổ mà nhờ vậy những tác động và ảnh hưởng của các vụ nổ đối với Mặt trời và Vũ trụ không đáng kể: Mặt trời và Vũ trụ vẫn được giữ ổn định.

Nếu toàn bộ Vật chất của Mặt trời tham gia vào vụ nổ thì chắc chắn Mặt trời không còn có thể tồn tại và Vũ trụ liệu có ổn định hay không thì điều này cũng hết sức khó nói.

- **Hiệu ứng Cô lập**

Những đặc tính thích nghi cũng có những vai trò rất lớn cho sự ổn định bền vững của Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội: Nhờ vào Tập quán mà các biến đổi bất thường của Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội nói chung được ‘cô lập’ cũng như ảnh hưởng của nó được ngăn chặn không lan rộng trên toàn Vũ trụ.

Ví dụ, các vụ nổ xảy ra liên tục trên Mặt trời thực chất cũng chỉ tạo ra trên từng miền nhỏ của nó và nó không gây các ảnh hưởng lan rộng trên chính bản thân nó và những ảnh hưởng lớn được cách ly với Thế giới bên ngoài nên Trái đất cũng như Vũ trụ luôn an toàn tuyệt đối.

- **Hiệu ứng Compact**

Hiệu ứng Compact là hiện tượng giới nội các ảnh hưởng và tác động của những biến đổi trên từng miền hẹp. Ví dụ, các cuộc chiến tranh từng xảy ra trên Thế giới, dù là cuộc chiến có tính Quốc gia, Khu vực hay có tính Toàn cầu (Đại Thế Chiến) thì thực chất các cuộc chiến tranh cũng chỉ được xảy ra trên từng miền hẹp của từng Quốc gia.

Xen lẫn những miền có chiến sự vẫn tồn tại những miền hậu cứ an toàn và ổn định... Cuộc chiến tranh khôn thể xảy ra lan tràn trên toàn một Quốc gia nào đó.

Đó chính là Hiệu ứng Compact.

Tương tự, Quá trình Phát triển của Vũ trụ và Tự nhiên cũng tuân thủ theo nguyên tắc của Hiệu ứng Compact: Mặc dù Quá trình Phát triển của Vũ trụ luôn tuân theo Nguyên lý Nhân đôi nhưng sự nhân đôi Cấu trúc và Giá trị của Vũ trụ được thực hiện lần lượt trên từng miền hẹp của Vũ trụ.

Không bao giờ Vũ trụ nhân đôi Cấu trúc và Giá trị của nó đồng loạt trên toàn Vũ trụ. Nhờ vậy, Quá trình Phát triển và tăng trưởng của Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội gần như đều đặn và ổn định.

3. Cặp Nguyên lý Bảo toàn – Vi sai

Bảo toàn cũng là một trong những điều kiện của Thích nghi: Trong suốt Quá trình Phát triển của Vũ trụ, sự tăng trưởng của số lượng các Lượng tử cũng như về Giá trị của các Lượng tử luôn tuân thủ các điều kiện của Nguyên lý Bảo toàn.

3.1. Nguyên lý Bảo toàn

Cặp Lượng tử mới được sinh ra từ Lượng tử ban đầu không bao giờ có thể thoả mãn các hệ thức Tuyệt đối như được trình bày dưới đây:

$$U = 0$$

$$\Rightarrow U = P + N$$

Hoặc

$$U \neq 0$$

$$\Rightarrow U = \text{Over}U + \text{Minus}U$$

Xét về Tổng các Giá trị Tuyệt đối của các Lượng tử mới được sinh ra luôn đúng bằng Giá trị ban đầu đã sinh ra chúng. Nhưng bên cạnh đó các Giá trị thực mà Vũ trụ có thể tồn tại lại luôn tăng lên gấp đôi sau khi mỗi Lượng tử được bán rã thành một Cặp con như dưới đây:

$$|\text{Over}U| + |\text{Minus}U| = 2U$$

Sự bảo toàn không xảy ra tuyệt đối đối với mọi Giá trị của Vũ trụ mà chỉ xảy ra trên một phương diện rất hẹp đối với Tổng Giá trị Tuyệt đối.

Tam Nguyên luận rút ra định luật dưới đây:

Định luật 31: Quá trình Phát triển của Vũ trụ chỉ bảo toàn Tổng các Giá trị Tuyệt đối, không bảo toàn số Lượng tử và Giá trị Tương đối.

Vì vậy, định luật Bảo toàn và Chuyên hoá Năng lượng cũng chỉ đúng trên một phạm vi hẹp, không thể được áp dụng rộng trong phạm vi toàn Vũ trụ. Điều này sẽ được phân tích và lý giải cũng như chứng minh cụ thể hơn ở Quyển 3 – Toán học Mơ hồ.

3.2. Nguyên lý Vi sai

Trên thực tế, luôn tồn tại Sai số Lượng tử giữa chúng sao cho hình thành nên một Lượng thứ ba (được gọi là Lượng tử Sai số) như các hệ thức dưới đây:

$$U = 0$$

$$\Rightarrow U = P + N + \xi$$

Hoặc

$$U \neq 0$$

$$\Rightarrow U = \text{Over}U + \text{Minus}U + \xi$$

Lượng tử thứ ba này chính là Giá trị bù của Hệ được hợp bởi Cặp Lượng tử mới. Có thể lấy các ví dụ cụ thể để minh hoạ cho trường hợp này như sau:

Sự phân rã của hạt Quark d sẽ tạo ra một Quark mới là u và một Electron e^- đồng thời sẽ tạo ra một Lượng tử thứ ba chính là Phản hạt của Neutrino là $\bar{\nu}_e$ như sau:

$$d = u + e^- + \bar{\nu}_e$$

Hoàn toàn tương tự, sự phân rã của Neutron n sẽ tạo ra một Proton p và một Electron e^- với một Phản hạt của Neutrino $\bar{\nu}_e$ như sau

$$n = p + e^- + \bar{\nu}_e$$

Đó chính là Hiệu ứng Tam phân của Nguyên lý Tam phân. Neutrino được coi là Lượng tử bù sai trong các quá trình bán rã để tạo ra Hiệu ứng Tam phân.

Mọi Phản ứng Phân rã Hạt đều chứng minh rằng sự sai hụt Khối lượng của các Hạt sinh ra sau phản ứng luôn xảy ra với một lượng cực nhỏ. Tương tự, các Quá trình Bán rã cũng như Quá trình Phát triển của Vũ trụ luôn gây ra những lượng Sai số nhỏ giữa các Lượng tử Đối lập.

Đó chính là Nguyên lý Vi sai. Nguyên lý này luôn tạo ra Sai số giữa các Lượng tử Đối lập nhằm tạo ra giữa chúng ‘nguồn động lực’ thúc đẩy cho quá trình phát triển tăng trưởng giữa các Lượng tử.

Khi các Lượng tử phát triển đạt tới những ngưỡng xác định thì các Sai số này lại được hiệu chỉnh để cho phép có thể duy trì khả năng ổn định của

Quá trình Phát triển và tăng trưởng của Vũ trụ: Nếu Sai số càng lớn thì tốc độ phát triển của Vũ trụ càng tăng nhưng ngược lại độ ổn định của Vũ trụ càng kém vì lúc đó sự hiệu chỉnh Sai số xảy ra giữa các Lượng tử Đối lập càng mạnh nhằm để triệt tiêu Sai số giữa chúng.

Thực tế, chứng minh rằng Sai số giữa các Lượng tử Đối lập luôn được hiệu chỉnh liên tục nên Giá trị của các Sai số chỉ đạt được những mức Vi sai rất nhỏ so với các Lượng tử Đối lập.

Tam Nguyên Luận rút ra định luật tổng quát dưới đây:

Định luật 32: Tốc độ phát triển của Vũ trụ tỷ lệ với Sai số Lượng tử giữa các Cặp Lượng tử Đối lập.

4. Cặp Nguyên lý Dư – Hụt

Vật lý Hiện đại từng khẳng định rằng các Nguyên tố Hoá học được tạo bởi ba loại Hạt cơ bản đó là Electron, Proton và Neutron. Trong đó, Electron và Proton là các Hạt mang điện.

Mặt khác, Vật lý Hiện đại cũng từng chứng minh được rằng, các Hạt nói trên lại được tạo bởi 6 loại Hạt Quark nhỏ hơn và các Hạt Quark này mang điện tích Nguyên tố bằng 1/3 (hoặc 2/3) điện tích của các Hạt Proton và Electron.

Vậy thì vì sao các Hạt Quark cũng như Proton và Electron có thể mang điện? Đây chính là điều mà có lẽ Vật lý Hiện đại không bao giờ có thể trả lời được!

Tam Nguyên Luận có thể giải thích và minh chứng được rằng các Quark có thể mang điện là do Mật độ Vật chất của các Hạt: Nếu Mật độ Vật chất của các Hạt vượt quá một mức cho phép thì nó trở thành mang điện Dương. Ngược lại, nếu dưới mức cho phép thì nó trở thành mang điện Âm.

Nếu bằng mức cho phép thì nó mang tính Trung hoà điện!

4.1. Nguyên lý Dư

Tam Nguyên Luận cho rằng Mật độ Vật chất (Density) cấu tạo nên Vũ trụ quyết định Thuộc tính của Vũ trụ và Lượng tử:

Thật vậy, nếu cho rằng Mật độ chuẩn để có thể xác định được cho một Lượng tử Thuộc tính Trung hoà là $D_2 = D_0$ thì sẽ có hai trường hợp dưới đây có thể xảy ra:

$$D_3 = \text{Over}D_2 = D_0 + D_0/2$$

$$D_1 = \text{Minus}D_2 = D_0 - D_0/2$$

Khi đó, với Mật độ D_3 thì Lượng tử được gọi là Dư (Thái Mật độ tức thừa về Mật độ). Ngược lại, những Lượng tử có Mật độ là D_1 sẽ được gọi là Thiếu Mật độ (tức là bị hụt về Mật độ).

Tam Nguyên Luận khẳng định rằng các Hạt mang điện Dương (Quark Dương) là các Hạt thừa về Mật độ Vật chất Nguyên tố bên trong nó.

Ngược lại, các Hạt mang điện Âm (Quark Âm) là các Hạt bị thiếu về Mật độ (Mật độ thấp) so với Mật độ Trung bình.

Vì sự thừa – thiếu về Mật độ giữa các Lượng tử mà giữa các Lượng tử phải có quá trình tương tác nhau để có thể tạo ra sự cho – nhận về Mật độ Vật chất Nguyên tố giữa chúng sao cho chúng có thể Trung hoà lẫn nhau.

Để có thể tạo ra sự khác nhau về Mật độ nếu các Lượng tử có cùng Giá trị Tuyệt đối thì Kích thước của các Lượng tử phải khác nhau.

Nếu cho rằng các Hạt có dạng hình cầu thì Thể tích của các Hạt được xác định gần đúng bởi hệ thức dưới đây:

$$V = 4.\pi.R^3/3$$

Với V là Thể tích gần đúng của Hạt, R là bán kính trung bình của Hạt.

Mật độ của Hạt được xác định như sau:

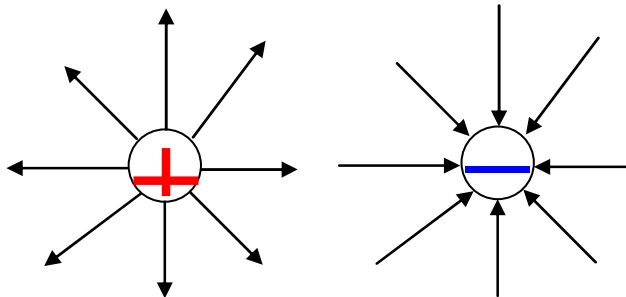
$$D = 3.m./4\pi.R^3$$

D là Mật độ của Hạt, m là Khối lượng của Hạt và R là Bán kính trung bình của Hạt.

Để Mật độ của Hạt có thể thay đổi một lượng là $\pm 1/2D_0$ thì Bán kính của các Hạt phải thay đổi một lượng tương ứng được xác định thông qua các hệ thức nói trên là:

$$\Delta R = (3.m./2.\pi.D)^{1/3}$$

Nếu Mật độ tăng lên theo OverD thì Bán kính của Hạt phải giảm đi một lượng là ΔR và Hạt trở thành mang điện Dương. Ngược lại, nếu Mật độ giảm xuống thành MinusD thì Bán kính của Hạt phải tăng lên một lượng là ΔR và Hạt trở thành mang điện Âm.



Hạt mang điện Dương được sinh ra do Mật độ bị thừa

Hạt mang điện Âm được sinh ra do Mật độ bị thiếu

Như vậy, theo Tam Nguyên Luận, các Thuộc tính Vật lý thuần túy và Hoá học cũng như đặc tính mang điện phụ thuộc vào hai yếu tố đó là Giá trị Tuyệt đối và Mật độ Vật chất Nguyên tố cấu trúc của Hạt.

Chính vì sự khác nhau về Mật độ giữa các Hạt mà nó cho phép giải thích được sự khác nhau về Thời gian của các quá trình phân rã Hạt và Phản hạt: Vật lý Hạt đã chứng minh rằng các Hạt và Phản hạt có thời gian phân rã khác nhau.

Sở dĩ vậy là do Mật độ khác nhau nên đặc tính liên kết nội bộ giữa các Hạt và Phản hạt cũng khác nhau nên không những về Thời gian Phân rã được đòi hỏi phải khác nhau mà ngay cả Năng lượng (Gia tốc) tác dụng cho Phân rã Hạt cũng khác với Phân rã của Phản hạt.

Đây chính là điều mà Vật lý Hạt hiện nay vẫn chưa thể giải thích được và càng không giải thích được tại sao các Hạt mang điện tích Nguyên tố lại luôn bằng nhau mặc dù chúng có thể mang điện trái dấu.

Tất cả những điều này đã được Tam Nguyên Luận giải thích một cách đơn giản như trên.

Tam Nguyên Luận rút ra định luật dưới đây:

Định luật 33: Thuộc tính mang điện của các Hạt phụ thuộc vào Mật độ Vật chất Nguyên tố cấu trúc nên Hạt:

Nếu vượt quá giới hạn Mật độ cho phép thì Hạt mang điện Dương;

Ngược lại, dưới Mật độ cho phép thì Hạt mang điện Âm;

Bằng Mật độ cho phép thì Hạt trung hoà về điện.

Tương tự như vậy, không chỉ có các Hạt mới có thể mang điện mà ngay cả nhiều Thiên thể cũng có thể mang điện nếu tỷ trọng (Mật độ) Vật chất của nó vượt quá ngưỡng xác định cho phép của nó.

Nhiều bằng chứng về Thiên văn học cũng đã cho thấy rằng rất nhiều Thiên thể mang điện: Các Thiên thể tạo ra Từ trường là hiện tượng rất phổ biến, vấn đề này không nhất thiết phải đề cập. Nhưng vấn đề quan trọng là ở chỗ Từ trường này do đâu mà có!? Đó chính là do Trái đất cũng như các Thiên thể có khả năng mang điện thì lúc đó quá trình Tự quay của Trái đất quanh chính bản thân nó mới gây ra dòng điện xoáy và sinh ra Từ trường.

Dĩ nhiên điện mà các Thiên thể có thể mang không phải là Điện tích Nguyên tố mà phải là Điện tích Thiên thể. Nó phải được xác định bằng những đại lượng lớn gấp Điện tích Nguyên tố rất nhiều lần.

Ngoài ra, sự Dư – Hụt về Mật độ giữa các Lượng tử như đã đề cập trên sẽ tạo ra quá trình tương tác lẫn nhau để có thể tạo ra sự cho – nhận về lượng giữa chúng. Ví dụ, Mặt trời vì có tỷ trọng cấu trúc lớn hơn của Trái đất và các Thiên thể khác rất nhiều nên nó luôn tạo ra sự Bức xạ Năng lượng để cho các Thiên thể khác có thể hấp thụ.

Nhờ sự hấp thụ Năng lượng từ Mặt trời mà các Thiên thể khác có thể tăng được Khối lượng nhờ vào Hiệu ứng Sinh Khối: Khi nhận được Năng lượng thì các Thiên thể sẽ chuyển động nhanh hơn nên theo Enistein thì Khối lượng động của các Thiên thể sẽ tăng lên làm cho Mật độ hay Tỷ trọng của các Thiên thể cũng được tăng lên.

Chú ý: Để giải thích tại sao các Quark Dương lại có Điện tích gấp đôi các Quark Âm, cần xem lại giải thích ở mục 5.1 – Phần 2 – Quyển 2.

4.2. Nguyên lý Hụt

Nguyên lý Hụt cũng có những ảnh hưởng và vai trò rất tích cực cho những Quá trình Hình thành, Tồn tại, Vận động, Biến đổi và Phát triển của Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội nói chung...

Với các Mật độ dưới mức D_0 xác định thì nó trở thành MinusD, Lượng tử Mật độ thấp (thiếu) và trở nên mang điện Âm hoặc có tính ‘nhận’: Luôn có tính hấp thụ mạnh Năng lượng hoặc Vật chất từ bên ngoài gửi đến.

- **Hiệu ứng Chân không**

Trong Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội luôn xảy ra các quá trình bù – trừ thông qua các quá trình cho – nhận giữa các Lượng tử và Hệ Lượng tử nói chung. Những quá trình bù – trừ này thực chất là để cân bằng sự thừa – thiếu (hay còn gọi là Dư – Hụt) về Giá trị cũng như về Mật độ (Tỷ trọng) cấu trúc giữa các Lượng tử và Hệ Lượng tử.

Hiện tượng thiếu hụt về Giá trị hoặc về Mật độ cũng như Tỷ trọng cấu trúc sẽ tạo ra một Hiện tượng được gọi là Hiệu ứng Chân không: Hiệu ứng Chân không gây nên một lực hút rất mạnh nhằm hút những gì có thể xung quanh nó nhằm để chiếm lấy những phần cấu trúc có thể có của các Lượng tử khác để bù vào sự thiếu hụt cấu trúc của nó.

Những quan sát Thiên văn học gần đây cho thấy rằng có một số Thiên thể khi đi gần đến các Hố đen thì bỗng dừng bị các Hố đen ‘nuốt chửng’ làm chúng biến mất. Vì sao có hiện tượng là này?

Tam Nguyên Luận giải thích rằng, thực chất Hố đen chỉ là một khoảng không vô cùng của Vũ trụ (là gốc ban đầu của Vũ trụ tức là Hố đen chỉ là một Tập Rỗng Tuyệt đối nên bên trong nó hầu như không có Vật chất) vì thế bên trong nó hầu như Mật độ Vật chất bằng Không.

Trong lúc đó Vũ trụ được tạo bởi các Đại Thiên Hà với Mật độ Vật chất rất lớn tạo ra sự bất cân đối về Mật độ Vật chất giữa Hố đen và Vũ trụ (các Đại Thiên Hà). Sự bất cân đối này gây ra Hiệu ứng Chân không và làm cho các Thiên thể đi gần qua Hố đen đều bị ‘rơi’ vào trong đó nhằm để tạo ra sự cân bằng Mật độ Vật chất trên toàn Vũ trụ bao gồm Hố đen và các Đại Thiên Hà.

Hiện nay, những quan sát về Thiên văn học, Vật lý Hạt đều cho thấy rằng Mật độ Vật chất chủ yếu được tập trung cục bộ ở các Cấu trúc Lượng tử của các Hạt, Nguyên tử, Thiên thể, Hệ Thiên thể... và tạo nên sự ‘co cụm’ về Cấu trúc với kích thước cực bé so với Không gian của các Lượng tử chiếm. Điều đó có nghĩa là bên ngoài các Lượng tử là các khoảng không rất rộng lớn và Mật độ Vật chất cực nhỏ.

Trong lúc đó, cấu trúc bên trong của các Lượng tử rất ‘chật hẹp’ so với bên ngoài. Sự chênh lệch về Mật độ giữa bên trong và bên ngoài Lượng

tử sẽ luôn gây ra một ứng suất làm cho các Lượng tử có xu thế đẩy các Cấu trúc Vật chất của chúng phình ra ngoài.

Điều này hoàn toàn được chứng minh và được khẳng định bởi những quan sát mới đây về Vũ trụ cho thấy rằng Vũ trụ ngày một đang giãn rộng hơn cũng như các Hệ Thiên thể đang dần tách ra xa nhau và chiếm lĩnh dần các khoảng không bao la của Vũ trụ tạo ra Hiệu ứng Tràn.

• Hiệu ứng Tràn

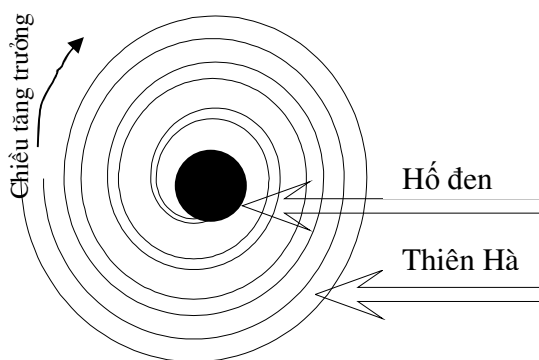
Như trên đã trình bày cũng như Tam Nguyên Luận đã có thể chứng minh được rằng Vũ trụ được sinh ra từ một Nhất thể ban đầu và nhờ quá trình Bán rã liên tục và không ngừng mà ngày một trở thành một Vũ trụ to lớn như ngày nay.

Vậy nhưng, Quá trình Bán rã của Vũ trụ sẽ tạo ra vô số các Lượng tử và các Lượng tử này sẽ phải được phân bố như thế nào trong Vũ trụ? Đây là câu hỏi hết sức thú vị và nó cũng có một lời giải đáp không kém phần lý thú.

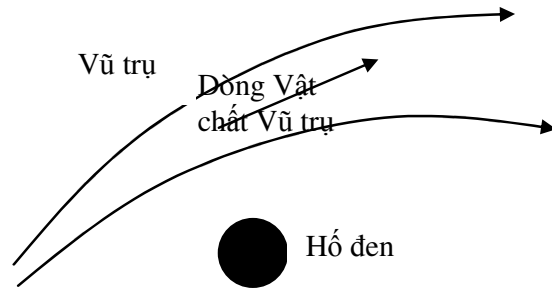
Những phần tiếp theo sẽ chứng minh cho Chân lý này rằng các Lượng tử được sinh ra liên tục do Quá trình Bán rã Lượng tử của Vũ trụ sẽ tạo thành một ‘Dòng Vật chất Vũ trụ’ được gọi là Đại Thiên Hà kéo dài và liên tục bao quanh Hố đen (Hố đen trở thành Tâm của Vũ trụ – Hố đen cũng chỉ là một khoảng không vô cùng bên trong của Vũ trụ mà thôi).

Do Hiệu ứng Bóp (xem Phần 4 – Quyển 2) mà Dòng Vật chất Vũ trụ chỉ được bóp hẹp thành một dải nhưng sau đó do quá trình bán rã liên tục tạo tạo ra ngày càng nhiều các Lượng tử nên dần dần Dòng Vật chất Vũ trụ cũng được phình ra to hơn.

Sự phình to của Dòng Vật chất Vũ trụ một mặt do ứng suất đẩy giữa



Vũ trụ được tạo bởi Dòng Vật chất bị bóp hẹp thành các Đại Thiên Hà xếp lớp lên nhau theo các vòng Xoắn ốc



các Lượng tử trong Dòng Vật chất Vũ trụ tương tác lên nhau và một mặt khác do các khoảng không vô cùng trong Vũ trụ bị thiếu hụt về Mật độ Vật chất mà đã tạo ra sức hút do Hiệu ứng Chân không để làm giãn rộng Dòng Vật chất của Vũ trụ. Đó chính là Hiệu ứng Tràn.

Hiệu ứng Tràn có vai trò tác động là cho Mật độ Vật chất của Vũ trụ có thể phân bố đồng đều trong Vũ trụ chống lại ‘xu thế co

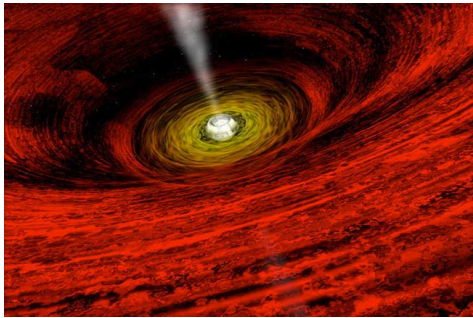
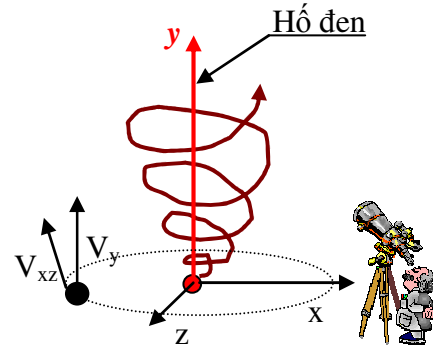
cụm cục bộ' của Dòng Vật chất Vũ trụ (Đại Thiên Hà).

Để giải thích tạo sao Dòng Vật chất Vũ trụ lại chỉ được tạo thành dải hẹp và bao quanh Hồ đen thì cần phải nghiên cứu các Phần tiếp theo sau đây của Quyển 2.

Tam Nguyên Luận rút ra nội dung định luật dưới đây:

Định luật 34: Dòng Vật chất Vũ trụ được tạo thành do Quá trình Bán rã Cấu trúc Vũ trụ luôn tạo thành một Dải hẹp Xoắn ốc quanh Tập Rõng (Hồ đen) ban đầu của Vũ trụ.

Hình trên mô tả sự hình thành của Vũ trụ theo một Dòng Xoắn ốc được tạo bởi các Đại Thiên Hà bao quanh Hồ đen và các Đại Thiên Hà ngày một phình ra to hơn để chiếm lĩnh các khoảng không của Vũ trụ 'hy vọng' ngày càng làm cho Vũ trụ trở nên 'đặc' hơn.



Ngoài ra, Dòng Vật chất của Vũ trụ không phải là một dải hình Đĩa dẹt mà là một Hệ Không gian như được mô tả bởi đường xoắn ốc bên trái: Với hình này, Hồ đen được mô tả rõ hơn. Hồ đen chính là khoảng không được tạo ra do các lớp Vật chất Vũ trụ được hình thành bao quanh nó, đây không gian bên ngoài nó ngày một rộng ra hơn. Những bức ảnh mới đây về Vũ trụ cho thấy rằng các Đại Thiên Hà là một Hệ có dạng hình chảo minh chứng cho những lý luận và phân tích nói trên là đúng.

Đây chính là những nhận định có tính táo bạo về mặt Lý thuyết mà Vật lý Hiện đại cho đến nay vẫn rất mơ hồ chưa dám khẳng định.

5. Cặp Nguyên lý Đối xứng – Bất đối xứng

Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội luôn hướng tới những Cấu trúc Đối xứng theo cả nghĩa bóng lẫn nghĩa đen, Nhờ có sự Đối xứng mà về mặt Cấu trúc được đảm bảo với mọi điều kiện Tối ưu và cũng có nghĩa là có thể đạt được khả năng Thích nghi Bền vững và Cân bằng Ổn định nhất giữa các Phần tử Cấu trúc của Hệ Lượng tử bất kỳ.

Vì thế, Đối xứng và Bất đối xứng cũng được sinh ra từ cơ chế đối lập và thống nhất giữa các Lượng tử trong Hệ. Sự đối xứng và bất đối xứng của Vũ trụ nói chung và của cấu trúc Vật chất cũng như của các Hạt nói riêng đều do sự sai lệch giữa P (OverU) và N (MinusU) gây nên.

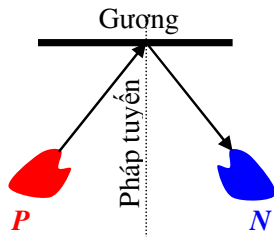
5.1. Nguyên lý Đối xứng

Sự Đối xứng của hệ được thể hiện qua mối quan hệ giữa các Lượng tử Đối lập Thuộc tính Tuyệt đối theo hệ thức dưới đây:

$$U = 0$$

$$U = P + N$$

Hệ thức này diễn đạt rằng P đối xứng với N qua U. Đó chính là sự Đối xứng Tuyệt đối.



Nếu P và N bằng nhau về Giá trị Tuyệt đối thì P và N hoàn toàn đối xứng nhau giống như Vật và ảnh qua gương

Tam Nguyên Luận khẳng định rằng sự đối xứng giữa các Lượng tử Đối lập Thuộc tính có thể xảy ra khi và chỉ khi P và N bằng nhau tuyệt đối. Khi đó, có thể nói rằng P là ‘ảnh’ của N và ngược lại N là ‘ảnh’ của P như được minh họa ở hình bên đây.

Ví dụ, các Cặp Hạt và Phản hạt của chúng bằng nhau về Giá trị Tuyệt đối, vì thế chúng đối xứng nhau hoàn toàn cho nên dễ dàng triệt tiêu lẫn nhau.

Tuy vậy, Tam Nguyên Luận lại chứng minh rằng, Hạt và Phản hạt của nó chỉ có cấu trúc Đồng dạng – Gương (tức là giống nhau theo hình thức phản chiếu) nhưng khác nhau về Kích thước do Mật độ (Density) của Hạt và Phản hạt luôn khác nhau: Sẽ có rất nhiều sự khác nhau giữa các Cặp Lượng tử Đối lập Thuộc tính:

Thời gian phân rã khác nhau;

Điện tích khác nhau;

Kích thước khác nhau;

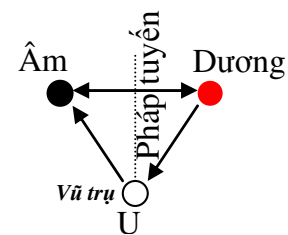
Tính chẵn lẻ cũng khác nhau;

Tính đối xứng Trái – Phải (đối xứng gương) cũng khác nhau.

Vì vậy, việc nghiên cứu về tính đối xứng của các Hạt cũng như của các Lượng tử nói chung rất phức tạp, sẽ được trình bày kỹ hơn trong Quyển 3 – Toán học Mơ hồ (Đại số Phân cực Đệ qui). Nếu chỉ xét về sự đối xứng Không gian thuần túy thì có thể khảo cứu qua các hiện tượng (Hiệu ứng) Vật lý dưới đây:

• Hiệu ứng Đối xứng

Sự Đối lập Tuyệt đối giữa các Lượng tử Âm và Dương sẽ gây ra Hiệu ứng Đối xứng về Vị trí tồn tại giữa các Lượng tử trong Vũ trụ cũng như tạo ra sự đối xứng về mặt cấu trúc của Hệ thống được tạo bởi các Lượng tử và Vũ trụ.



Sự đối xứng của Âm và Dương trong Vũ trụ

Thật vậy, vì Giá trị Tuyệt đối của chúng bằng nhau nên sự tương tác của Vũ trụ vào chúng cũng bằng nhau về Giá trị Tuyệt đối nhưng sẽ đối lập nhau về phương tương tác tạo ra sự đối xứng nhau về Vị trí tồn tại của chúng trong Vũ trụ thông qua sự mô tả bởi hình trên đây.

Một mặt, phương tương tác giữa Vũ trụ với các Lượng tử cũng ngược chiều nhau và một mặt khác sự chuyển động của các Lượng tử trong Vũ trụ cũng ngược chiều nhau và luôn có xu hướng va vào nhau để có thể triệt tiêu lẫn nhau. Nếu kẻ một Pháp tuyến từ Tâm của Vũ trụ với Hệ được tạo bởi các Lượng tử thì nó sẽ tạo ra sự đối xứng về Vị trí của các Lượng tử trong Vũ trụ thông qua Pháp tuyến.

- **Hiệu ứng Hội tụ**

Vì Vị trí tồn tại của các Lượng tử Đối lập luôn đối xứng nhau trong Vũ trụ và hướng chuyển động của chúng luôn ngược chiều nhau nên chúng luôn có xu hướng hướng vào nhau tạo nên sự hội tụ giữa các Lượng tử Đối lập gây nên Hiệu ứng Hội tụ và được diễn đạt bởi các hệ thức dưới đây:

$$U = 0$$

$$U = P + N$$

Vì $U = 0$ nên $U = P + N = 0$ chứng tỏ rằng P và N luôn hướng vào nhau. Hơn nữa, U không chỉ được tạo bởi một Cặp N và P duy nhất mà nó có thể được tạo bởi vô số các Cặp $[N_i, P_i]$ và mỗi một Cặp sẽ đối xứng nhau theo một phương chiều xác định qua U.

$$U = \Sigma(P_i + N_i) = 0$$

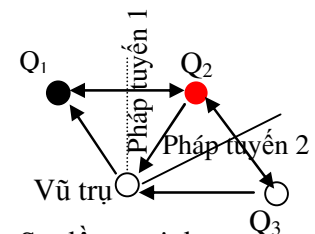
Từ những Hiệu ứng nói trên, Vũ trụ luôn có xu hướng tạo ra các cấu trúc đối xứng nhau cả về Vị trí và cả về phương diện cấu trúc hình học giữa các Cặp Lượng tử Đối lập theo mọi phương chiều (mỗi một chiều i đại diện cho một Cặp Thuộc tính xác định)

Để chứng minh được rằng, các Thiên thể cũng như các Nguyên tử và các Hạt Vật lý luôn có dạng hình cầu là thể cấu trúc đối xứng được tạo bởi các Hiệu ứng Đối xứng và Hiệu ứng Hội tụ của các Lượng tử Đối lập.

- **Hiệu ứng Đồng qui**

Cũng giống như Hiệu ứng Đối xứng và Hiệu ứng Hội tụ. Đồng qui là một hiện tượng xảy ra rất phổ biến trong Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội hay nói cách khác là sự phối hợp giữa các Hiệu ứng Đối xứng và Hiệu ứng Hội tụ sẽ tạo ra Hiệu ứng Đồng qui.

Vì sự phát triển vô hạn của Vũ trụ, Tự nhiên cũng như Xã hội sẽ sinh ra một Chuỗi Lượng tử Vô hạn sao cho chúng luôn tạo ra sự đối lập lẫn nhau giữa các



Sự đồng qui được tạo bởi đa Lượng tử

Cặp Lượng tử lân cận kế tiếp nhau.

Cụ thể, Chuỗi Lượng tử có n Lượng tử liên tục kế tiếp nhau theo Nguyên lý Phát triển (sẽ được trình bày ở Phần 6 – Các Cặp Nguyên lý Phát triển) thì sự đối lập lẫn nhau giữa các Cặp Lượng tử có thể xảy ra như sau:

Có hai nguyên tắc tạo ra sự đối lập giữa các Lượng tử gồm Sự đối lập giữa các Cặp Lượng tử liên tiếp kế cận nhau và Sự đối lập giữa các Cặp Lượng tử cách quãng nhau.

Đối lập liên tiếp

Sự phát triển không ngừng giữa các Lượng tử của Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội đã tạo ra sự khác biệt Thuộc tính giữa các Lượng tử lân cận kế tiếp nhau. Xét về mặt Thuộc tính, nếu Q_1 khác nhau với Q_2 về Thuộc tính thì có thể coi Q_1 và Q_2 đối lập nhau một cách tuyệt đối. Ví dụ, Neutron và Proton có các Thuộc tính hoàn toàn khác biệt nhau nên cũng có thể coi Neutron là một Cặp Đối lập Thuộc tính Tuyệt đối.

Tương tự, Proton và Electron có điện tích trái dấu nhau nên chúng đối lập nhau một cách tuyệt đối trên phương diện Thuộc tính về Điện. Ngoài ra, các Thuộc tính Vật lý khác của Electron và Proton cũng khác nhau nên Proton và Electron cũng trở thành đối lập nhau hoàn toàn...

Sự đối lập giữa các Cặp Lượng tử có Thuộc tính khác nhau hoàn toàn sẽ trở thành Sự đối lập Tuyệt đối về Thuộc tính giữa chúng. Do vậy, chúng sẽ tạo nên sự Đồng qui với nhau cả về phương diện định vị cũng như cả về cấu trúc của chúng trong Vũ trụ.

Với sự lý giải nói trên, hãy chấp nhận rằng Chuỗi Lượng tử Vô hạn có n Lượng tử từ Q_1 đến Q_n được tạo bởi tất cả các Lượng tử khác nhau về Thuộc tính thì sự đối xứng giữa từng Cặp Lượng tử sẽ được xảy ra lần lượt như sau:

Q_1 và Q_2 đối xứng nhau qua Pháp tuyến 1, Q_2 và Q_3 đối xứng nhau qua Pháp tuyến 2 (Q_1 và Q_3 sẽ đối xứng với nhau qua Pháp tuyến 1-3). Tương tự, Q_{n-1} và Q_n sẽ đối xứng nhau qua Pháp tuyến thứ n – 1 mà tạo ra sự đồng qui giữa chúng qua Vũ trụ (Tâm Vũ trụ) như sự mô tả ở hình trên.

Đối lập Gián đoạn

Theo Nguyên lý Phát triển Lượng tử (được trình bày ở Phần 6 – Các Cặp Nguyên lý Phát triển). Chuỗi Lượng tử Vô hạn luôn được phát triển theo Nguyên lý Luỹ tiến dưới đây:

$$Q_1 = \text{Minus}Q_2;$$

$$Q_2 = \text{Over}Q_1 = \text{Minus}Q_3;$$

$$Q_3 = \text{Over}Q_2 = \text{Minus}Q_4;$$

.....

$$Q_{n-1} = \text{Over}Q_{n-2} = \text{Minus}Q_n$$

Điều đó có nghĩa là chúng sẽ tạo ra các Cặp Đối lập giữa các Lượng tử Gián đoạn nhau như sau: Q_1 và Q_3 , Q_2 và Q_4 , Q_3 và Q_5 , Q_4 và Q_6 ... Q_{n-2} và Q_n là các Cặp Lượng tử Đối lập Gián đoạn.

Với Chuỗi Lượng tử có cấu trúc nói trên, chúng cũng sẽ tạo ra sự đồng qui theo nguyên tắc tương tự như đã được mô tả ở hình trên.

- **Hiệu ứng Đa phương vị**

Do sự tương tác phổ biến giữa các Lượng tử trong Chuỗi Lượng tử Vô hạn mà sự đối xứng cũng như hội tụ và đồng qui của chúng được xây ra một cách đồng thời bắt buộc chúng phải tạo ra sự đa đối xứng theo mọi phương vị có thể có:

Một mặt, sự đối xứng phổ biến giữa các Cặp Lượng tử bất kỳ sẽ tạo ra các khoảng cách bằng nhau giữa các Lượng tử trong Vũ trụ;

Mặt khác, sự hội tụ giữa các Cặp Lượng tử bất kỳ cũng tạo ra các khoảng cách bằng nhau giữa các Cặp Lượng tử trong Vũ trụ;

Hơn thế nữa, sự đồng qui giữa các Cặp Lượng tử bất kỳ cũng luôn có xu hướng tạo ra khoảng cách bằng nhau giữa các Lượng tử.

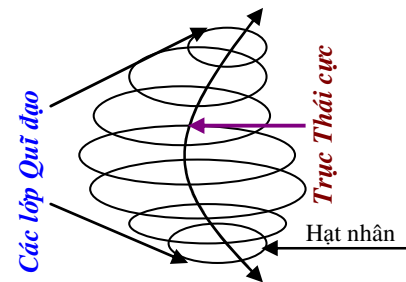
Như vậy, với nhu cầu Đa đối xứng, Hệ được tạo bởi Tập hợp các Lượng tử nói trên luôn có xu hướng trở thành một Hệ có cấu trúc Cầu phương theo Hiệu ứng dưới đây.

- **Hiệu ứng Cầu phương**

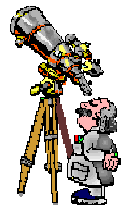
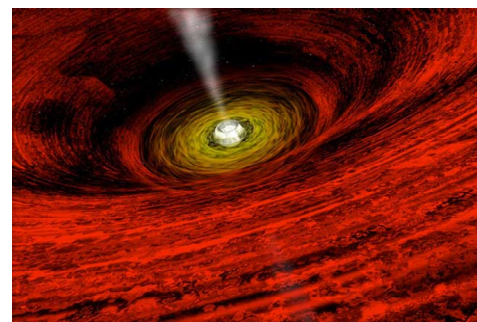
Theo hình trên, các khoảng cách bằng nhau giữa các Lượng tử trong Chuỗi Lượng tử Vô hạn thì sự sắp xếp của các Lượng tử sẽ phải được tạo ra bởi Phép Đồng tâm Đa phương vị.

Có nghĩa là các Lượng tử sẽ luôn được giữ ở các khoảng cách bằng nhau so với Tâm của Hệ được tạo bởi Tập hợp các Lượng tử và có thể được sắp xếp theo mọi phương vị sao cho Hệ có thể trở thành một Hệ có cấu trúc cầu phương đối xứng tuyệt đối theo mọi phương vị.

Hình trên mô tả sự đối xứng theo Nguyên lý Đồng tâm Đa phương vị.



Sự đối xứng được thực hiện theo nhiều phương vị khác nhau tạo ra nhiều lớp



Tính đồng tâm của Hệ được thể hiện theo mọi phương vị làm cho Hệ có tính Cầu phương

5.2. Nguyên lý Bất đối xứng

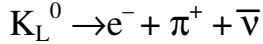
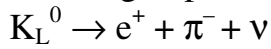
Ngược lại với Nguyên lý Đối xứng, Nguyên lý Bất đối xứng được thể hiện bởi tính bất cân đối giữa các Cặp Lượng tử Đối lập theo các hệ thức dưới đây:

$$U \neq 0$$

$$U = \text{Over}U + \text{Minus}U$$

Vì $U \neq 0$ nên $\text{Over}U \neq \text{Minus}U$ về Giá trị Tuyệt đối nên $\text{Over}U$ không thể đối xứng với $\text{Minus}U$ qua U .

Gần đây, qua một số Phản ứng Phân rã Hạt cho thấy rằng nhiều qui luật đối xứng Âm – Dương bị phá vỡ. Ví dụ, sự phân rã của Hạt K_L^0 xảy ra theo hai trường hợp dưới đây:



Ngoài ra, tỷ số thời gian phân rã giữa hai quá trình phân rã nói trên là $1,00648 \pm 0,00035S$.

Điều đó chứng tỏ rằng K_L^0 có sự đối xứng nhất định về mặt cấu trúc cho nên có thể phân rã thành các Nhóm Hạt Đối lập nhau hoàn toàn. Tuy nhiên, nếu đạt được sự đối xứng về cấu trúc thì về thời gian phân rã lại không giống nhau! Điều này nói lên ý nghĩa gì?

Đó chính là do sự khác nhau giữa Hàm Mật độ Cấu trúc đã làm cho khả năng liên kết nội bộ giữa các Cấu trúc Vật chất của Hạt khác nhau nên nó làm cho Thời gian Phân rã khác nhau, đồng thời cũng làm cho Năng lượng (Gia tốc) cần cho sự phân rã giữa hai quá trình trên cũng khác nhau.

Vì thế, sự Bất đối xứng giữa các Cặp Lượng tử Đối lập bất đẳng trị là một nội dung nghiên cứu lớn, sẽ được trình bày rõ hơn ở Quyển 3 – Toán học Mơ hồ. Trong nội dung này chỉ trình bày một số trường hợp có tính Cơ học thuần túy thông qua các hiện tượng (Hiệu ứng) Vật lý dưới đây:

• Hiệu ứng Âm – Dương

Khi Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội càng phát triển, Chuỗi Lượng tử cấu thành nên Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội càng trở nên vô hạn và biên giới phân biệt giữa các Lượng tử càng trở nên mờ nhạt. Các Lượng tử lân cận có thể chồng chéo lên nhau theo hệ thức mô tả dưới đây:

$$Q_1 := Q_2;$$

$$Q_2 := Q_3;$$

$$Q_3 := Q_4;$$

.....

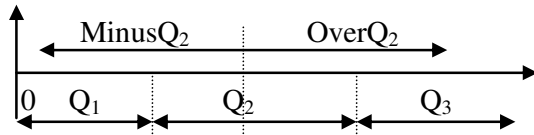
$$Q_{n-1} := Q_n$$

Có thể diễn đạt sự chồng chéo này bằng hệ thức tổng quát của Nguyên lý Lượng tử hoá như sau:

$$Q_1 = \text{Minus}Q_2 \Rightarrow Q_1 \in [\frac{1}{2} Q_2, Q_2];$$

$$Q_3 = \text{Over}Q_2 \Rightarrow Q_3 \in [Q_2, 3Q_2/2]$$

Điều đó có nghĩa là Q_1 được xác định trên Miền Giá trị dưới (Minus)



của Q_2 và Q_3 được xác định trên Miền Giá trị trên (Over) của Q_2 theo Trục Số dưới đây:

Theo hình bên, Q_1 có thể trùng

với Q_2 và Q_2 có thể trùng với Q_3 .

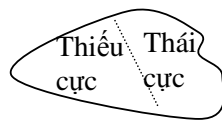
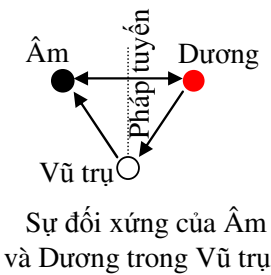
Vì vậy, có thể có sự chồng chập giữa các Lượng tử Dương và các Lượng tử Âm với nhau. Hay nói rõ ràng hơn là Âm và Dương có thể trùng nhau và khó có thể xác định được ranh giới phân biệt giữa chúng.

Trên nguyên tắc đó, nếu Âm và Dương có thể trùng lên nhau tức là Âm và Dương có thể trở thành ‘một Lượng tử’. Vì vậy, cũng là một Lượng tử đó, nó có thể được coi là Dương nếu nó được so với một Lượng tử khác bé hơn. Ngược lại, nó cũng có thể được coi là Âm nếu nó được so với một Lượng tử khác lớn hơn nó.

Đặc biệt, nhiều trường hợp nó được coi là Trung tính (Neutral) nếu được so với hai Lượng tử khác trong đó có một Lượng tử khác lớn hơn nó mà được coi là Dương của nó và một Lượng tử khác bé hơn nó mà được coi là Âm của nó.

Đó chính là Hiệu ứng Âm – Dương. Hiệu ứng Âm – Dương là hiện tượng ‘tự qui định’ tính Âm – Dương của các Lượng tử trong Chuỗi Lượng tử Vô hạn và có tính chồng chập nhau.

• **Hiệu ứng Bất đối xứng**



Sự bất đối xứng về cấu trúc giữa hai Cực của Lượng tử bất kỳ

Do sự khác nhau về Giá trị Tuyệt đối giữa các Lượng tử nên sự đối xứng tuyệt đối giữa các Cặp Lượng tử không thể xảy ra mà thay vào đó là sự đối xứng chỉ xảy ra ở một phương diện hẹp và trở thành bất đối xứng.

Hơn nữa, giữa các Lượng tử có cùng Thuộc tính nhưng có Giá trị hơn kém nhau thì giữa chúng cũng tạo ra sự đối xứng tương đối theo cơ chế Bất đối xứng (có nghĩa là đối xứng không hoàn toàn) vì lúc bấy giờ Lượng tử lớn sẽ trở thành Dương và Lượng tử bé sẽ trở thành Âm: Hai Lượng tử không cùng Giá trị sẽ tạo thành một Cặp Lượng tử Âm – Dương Tương đối do Hiệu ứng Âm – Dương.

Vì thế, Hệ được tạo bởi các Cặp Lượng tử khác nhau về Giá trị Tuyệt đối là một Hệ Bất đối xứng. Hiệu ứng Bất đối xứng còn xảy ra sự phân bố về Cấu trúc (Mật độ) khác nhau giữa Thái cực và Thiếu cực trong cùng một Lượng tử tạo ra hai bán cầu Lượng tử khác nhau.

- **Hiệu ứng Bất hội tụ**

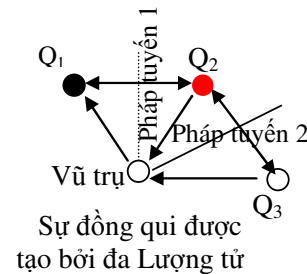
Tương tự, Hiệu ứng Bất hội tụ xảy ra đối với các Cặp Lượng tử khác nhau về Giá trị Tuyệt đối. Khi đó, sự chuyển động giữa các Lượng tử Đối lập Thuộc tính có xu hướng ngược chiều nhau nhưng do khác nhau về Giá trị nên chúng không có cùng khoảng cách nên chúng sẽ chuyển động trên các Quỹ đạo có Bán kính khác nhau và không có Xác suất trùng hợp nhau khiến cho chúng không thể hội tụ với nhau.

Hiệu ứng Bất hội tụ không những không gây nên sự va chạm giữa các Lượng tử Đối lập Thuộc tính nhưng khác nhau về Giá trị Tuyệt đối mà còn tạo ra một Hệ không hợp nhất giữa các Lượng tử (vì tạo ra các khoảng cách khác nhau giữa các Lượng tử).

- **Hiệu ứng Bất đồng qui**

Trên cơ sở của sự bất đối xứng, các Lượng tử Đối lập Thuộc tính nhưng khác nhau về Giá trị Tuyệt đối sẽ không thể đồng qui với nhau theo mọi phương vị trong Không gian của Vũ trụ.

Vì khi đó, các Cặp Lượng tử tuy đối lập nhau về Thuộc tính nhưng do Giá trị Tuyệt đối giữa chúng không bằng nhau nên chúng không thể tạo ra các Pháp tuyến đều nhau giữa các Cặp Lượng tử khiến cho các Lượng tử không thể đồng qui với nhau cả về phương diện Vị trí tồn tại cũng như cả về phương diện cấu trúc hình học của Hệ được tạo bởi các Cặp Lượng tử.

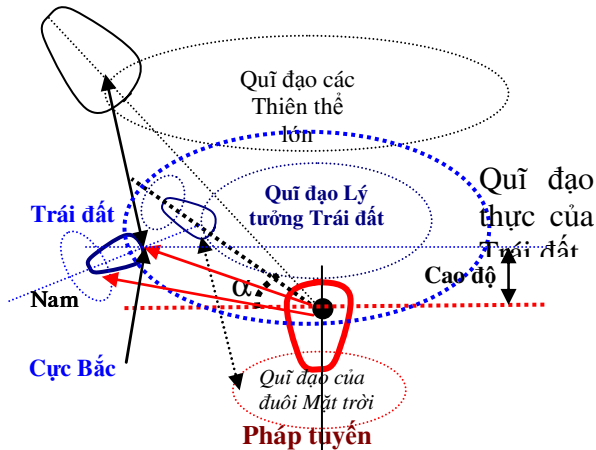


- **Hiệu ứng Đơn phương vị**

Do sự tương tác giữa các Lượng tử luôn phụ thuộc vào Giá trị Tuyệt đối giữa chúng. Tương ứng với Giá trị càng lớn thì tương tác giữa chúng càng mạnh. Điều này có thể được minh chứng bởi Định luật Tương tác Vạn vật Hấp dẫn của Newton đối với vạn Vật hoặc Định luật Tương tác Điện học của Coulomb đối với các Hạt mang điện. Hiệu ứng Đơn phương vị là điều mà hiện nay Vật lý Hiện đại vẫn còn hết sức lúng túng:

Thật vậy, thực tế luôn chứng minh được rằng, vì Vũ trụ cũng như Tự nhiên là Hệ Cấu trúc Bất đối xứng nên Cấu trúc của Vũ trụ luôn không đồng đều như nhau theo mọi phương vị mà luôn tạo ra nhiều miền khác nhau (bất đồng nhất – bất đối xứng).

Trong đó, ít nhất có thể chia Vũ trụ thành hai bán phần cấu trúc khác nhau. Vì vậy, các Thiên thể và các Hạt Vật lý cũng luôn được cấu tạo bởi hai Bán phần có Giá trị Tuyệt đối khác nhau gồm một Bán phần cấu trúc có Giá trị lớn được gọi là Dương của Lượng tử và nửa kia có Giá trị Tuyệt đối bé hơn và được gọi là Âm của Lượng tử.



Hiệu ứng Đơn phương vị xảy ra do sự bất đối xứng về cấu trúc giữa các Bán phần Cấu trúc của các Thiên thể cũng như của các Lượng tử. Vì thế, các nửa cấu trúc có giá trị lớn luôn chịu tương tác mạnh hơn các nửa cấu trúc có giá trị bé hơn khiến cho Thiên thể hoặc Lượng tử bị nghiêng

với Trái đất minh họa cho Hiệu ứng Đơn phương vị: Trái đất luôn hướng Cực Bắc của nó vào Mặt trời vì Cực Bắc của Trái đất luôn nặng hơn so với Cực Nam của nó.

Tương tự, Mặt trời cùng hướng nửa nặng của nó vào Trái đất và các Thiên thể khác trong Thái Dương Hệ cũng như vào Vũ trụ... tạo nên sự định hướng (đơn phương vị) nhất định đối với Trường Tương tác và ảnh hưởng của nó đối với mọi Thiên thể nói riêng và Vũ trụ nói chung.

Nói tóm lại: Các Nguyên lý Đối xứng – Bất đối xứng trình bày về mặt Cấu trúc trên phương diện Hình học thuần túy của các Hệ Lượng tử bất kỳ đồng thời chứng minh các Quy tắc Cấu trúc Hình học thống nhất giữa các Hệ Lượng tử là hoàn toàn như nhau.

Có nghĩa là các Hệ Thiên thể, Thiên thể cũng như các Hạt Vật lý đều có cùng một Mô hình Cấu trúc Hình học như nhau.

6. Cặp Nguyên lý Ổn định – Trôi dạt

Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội luôn tồn tại những trái ngược nhau, bên cạnh những biến đổi liên tục và không ngừng của Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội mà đã tạo ra sự Phát triển của Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội nói chung thì

Khi đó, sự tương tác của Vũ trụ đối với nửa lớn của Lượng tử sẽ mạnh hơn và yếu hơn đối với nửa bé kia. Vì vậy, Trường Tương tác của Vũ trụ đối với Lượng tử đang xét sẽ luôn có sự ‘thiên vị’ đối với nửa lớn hơn và hình thành nên Nguyên lý Đơn phương vị:

Do Trường Tương tác hướng mạnh hơn vào nửa cấu trúc có giá trị lớn của Lượng tử nên nửa có giá trị lớn của Lượng tử sẽ được ưu tiên hướng vào Vũ trụ với khoảng cách ngắn hơn.

Hình bên mô tả sự ưu tiên về phương tương tác của Mặt trời đối

nó cũng giữ nguyên được sự Ổn định Bền vững của nó trước những biến đổi lớn đã và đang xảy ra không ngừng.

Điều gì đã khiến cho Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội luôn được ổn định trước mọi biến đổi và phát triển của nó!? Đó chính là nhờ vào những Quy luật thống nhất giữa các Nguyên lý Ổn định – Trôi dạt.

6.1. Nguyên lý Ổn định

Các Lượng tử khi sinh ra đều được xác định với các Cực gồm Thái cực và Thiếu cực. Trong suốt mọi Quá trình Tồn tại, Vận động, Biến đổi và Phát triển tiếp theo các Cực của Lượng tử được giữ ổn định.

Nhờ vậy, những diễn biến tiếp theo sau khi Lượng tử được hình thành cũng luôn được giữ ổn định.

Ngoài ra, nhiều đặc tính khác của Lượng tử cũng được giữ ổn định trong suốt mọi quá trình tiếp theo sau khi Lượng tử được hình thành.

• Hiệu ứng Điều chỉnh

Sự đối kháng lẫn nhau giữa Thái cực và Thiếu cực của Lượng tử đã giúp cho sự biến đổi và phát triển của nó luôn được ổn định và được diễn đạt bởi các hệ thức dưới đây:

$$U = 0$$

$$U = P + N + \xi$$

Hoặc nếu U ban đầu khác Không ($U_0 \neq 0$) thì Hiệu ứng Điều chỉnh giữa OverU và MinusU được diễn đạt bởi các hệ thức dưới đây:

$$U \neq 0$$

$$U = \text{OverU} + \text{MinusU} + \xi$$

Quá trình điều chỉnh giữa P và N hoặc OverU và MinusU được tham chiếu với Giá trị ban đầu của U. Vì vậy, mỗi một sự thay đổi của P và N hoặc OverU và MinusU đều luôn phải được sự ‘chấp nhận’ của ‘đối tác’ của nó. Tức là nếu P (hoặc OverU) thay đổi thì hoặc là N (hoặc MinusU) sẽ chống lại hoặc là N (hoặc MinusU) sẽ thay đổi theo để có thể giữ nguyên được Giá trị ban đầu của U.

Nhờ vào Hiệu ứng Điều chỉnh nói trên mà U được giữ ổn định trong Quá trình Biến đổi – Phát triển.

• Hiệu ứng Cường bức

Sự cường bức sẽ xảy ra nếu quá trình điều chỉnh nói trên không thực hiện được: Khi Sai số quá lớn do N hoặc MinusU không chấp hành sự điều chỉnh của P hoặc OverU thì ứng suất sinh ra do Sai số giữa chúng sẽ buộc N hoặc MinusU phải đáp ứng theo P hoặc MinusU bằng cách phải tăng Giá trị Tuyệt đối của nó. Đây chính là sự cường bức thuận.

Ngược lại, nếu P hoặc OverU không cưỡng bức được N hoặc MinusU thì P hoặc OverU lại phải giảm Giá trị của nó. Đây chính là sự cưỡng bức ngược tức là N hoặc MinusU vẫn có thể cưỡng bức được P hoặc OverU mặc dù nó có Giá trị Tuyệt đối nhỏ hơn. Tuy vậy, trường hợp này vẫn ít xảy ra.

6.2. Nguyên lý Trôi dạt

Sự hình thành Thái cực và Thiếu cực đồng thời trong mọi Lượng tử đã tạo ra sự thiên vị về tương tác lực cũng như mọi tác động Vật lý, Hoá học Cấu trúc cũng như sẽ gây ra những tác động và ảnh hưởng Sinh học khác nhau giữa các Bán cấu trúc của Thái cực và Thiếu cực.

Thái cực vì nặng hơn (có Giá trị lớn hơn Thiếu cực) nên nó chịu ảnh hưởng tương tác rất lớn đối với mọi Lượng tử xung quanh cũng như đối với toàn Vũ trụ: Sự tập trung tương tác này sẽ khiến cho các phần tử Cấu trúc của Lượng tử sẽ bị kéo dần về phía Thái cực. Đặc biệt là các phần tử Cấu trúc có Giá trị càng lớn sẽ càng bị hội tụ dần về Thái cực.

Ngược lại, các phần tử có Giá trị bé (nhẹ hơn) càng bị phân kỳ dần về phía Thiếu cực khiến cho sự phân hoá giữa Thái cực và Thiếu cực ngày càng rõ rệt hơn. Đó chính là Hiệu ứng Trôi dạt của các Cấu trúc Lượng tử.

Chính vì vậy, các Châu lục của Trái đất đang dịch dần lên phía Bắc tạo nên sự trôi dạt của các Lục địa (Thuyết Trôi dạt Lục địa của Copernic) bởi vì các thành phần cấu tạo nên Trái đất gồm các Nguyên tố nặng tạo ra các kiến tạo Địa tầng và các Châu lục. Thành phần còn lại chiếm một số lượng lớn (Khối lượng lớn nhưng có tỷ trọng nhỏ hơn) đó là nước tạo ra biển và Đại dương.

Vì các thành phần Địa chất cấu tạo nên các Châu lục có tỷ trọng lớn hơn tỷ trọng của nước biển nên chúng bị Mặt trời và các Thiên thể khác tương tác và kéo về phía Cực Bắc là Thái cực của Trái đất. Ngược lại, Biển và Đại dương sẽ bị đẩy lùi dần về phía Cực Nam là Thiếu cực của Trái đất.

Tương tự, các Thiên thể trong Thái Dương Hệ đang trôi dần vào Thiên Hà của Trái đất và hướng dần vào Vũ trụ xa xôi. Cấu trúc của các Lượng tử nói chung cũng đều xảy ra các hiện tượng Trôi giạt tương tự.

Tại sao lại gọi nó là hiện tượng trôi giạt? Là bởi vì ngay từ ban đầu, quá trình dịch chuyển của các cấu trúc bên trong bất kỳ Lượng tử không có định hướng mà phải nhờ vào sự tương tác với bên ngoài cũng như có sự 'định hướng nội bộ' mà các cấu trúc bên trong Lượng tử dần dần được định hướng chính thức.

Hãy lấy ví dụ về sự trôi giạt của các Lục địa của Trái đất để minh hoạ và lý giải: Thuở ban đầu, các Châu lục của Trái đất đều liền một khối (khi Trái đất vừa mới được sinh ra, biển và đại dương cũng như các sông ngòi chưa hề có nước), tất cả mọi kiến tạo địa chất của Trái đất đều được hình

thành từ Nam Cực. Sau đó, quá trình lớn dần của Trái đất do sự bán rã liên tục của các Nguyên tố hoá học và các thành phần kiến tạo Địa chất mà đã làm cho các cấu trúc Địa chất của Trái đất bắt đầu tách dần khỏi nhau.

Biển và các Đại dương bắt đầu hình thành tạo điều kiện cho các Châu lục càng dễ dàng dịch chuyển hơn. Do quá trình chuyển động quay quanh Mặt trời của Trái đất cũng như dưới sự tác động của Trường Tương tác Hấp dẫn của Vũ trụ mà các Châu lục liên tục bị xô dịch lung tung, không có sự định hướng. Thực chất là do sự lớn dần của Trái đất đã làm cho các Châu lục bị dịch chuyển lung tung.

Tuy nhiên, có một hướng mà các Châu lục có cùng sự thống nhất để hướng tới đó là hướng về Mặt trời. Thật vậy, Mặt trời gần Trái đất nhất cũng như Trái đất chịu ảnh hưởng của Trường Tương tác của Mặt trời mạnh nhất nên các Châu lục luôn có xu hướng dịch chuyển dần về hướng Mặt trời và hình thành nên mỏm Bắc Cực cho Trái đất.

Từ sự trôi giạt ban đầu làm cho các Châu lục lúc khai sinh cũng được tập trung (hợp nhất thành một khối duy nhất) ở Cực Nam của Trái đất sau đó xô dịch lung tung và trôi dần lên phía Bắc và trong tương lai sẽ lại hợp nhất với nhau thành một khối duy nhất nhưng không phải là ở Cực Nam như trước đây mà sẽ là tại Cực Bắc.

Lúc bấy giờ Trái đất chỉ có duy nhất một Châu lục và được gọi là Châu lục Cực Bắc.

Trên cơ sở đó, Tam Nguyên Luận lại rút ra được một ‘tiên nghiệm’ dưới đây:

- **Hiệu ứng sinh Thái cực**

Sự Trôi dạt của các Lục địa cũng như của các Cấu trúc Vật chất trong các Lượng tử sẽ gây nên sự đối kháng ngày càng mạnh hơn giữa các Cực (Thái cực và Thiếu cực). Nhờ vậy các quá trình điều chỉnh giữa các Cực sẽ xảy ra để làm ổn định lại mối quan hệ giữa các Cực của Lượng tử cũng như nếu không ‘dập tắt’ được sự đối kháng này thì buộc nó phải bán rã để tạo ra một Cặp Lượng tử con để ‘giải thoát sự mâu thuẫn gay gắt’ giữa các Cực.

Chính vì điều này mà nó đã gây nên sự tự phân rã của các Lượng tử bất kỳ. Ví dụ, sự phân rã của các Hạt Neutron, Proton.. là các Hạt Vật lý Cơ bản có tuổi thọ rất bền vững nhưng sau những khoảng thời gian nhất định thì chúng vẫn tự bán rã để tạo ra các Hạt con khác... không kể đến các Hạt Phi cơ bản có tuổi thọ rất ngắn dễ bị phân rã chỉ sau khi được sinh ra không đầy 1 phần triệu giây.

Tương tự, các quá trình gây gia tốc hạt để tạo các bắn phá gây phân rã Hạt trong các Máy Gia tốc Vật lý thực chất là cũng để tạo ra sự dịch chuyển của các Cấu trúc Lượng tử Nguyên tố (những Cấu trúc Nguyên tố nhỏ nhất

không thể phân chia được nữa tạo ra các Hạt) lúc đầu được phân bố gần như đồng đều trong Hạt dần về một phía nhằm tạo ra sự đối lập (tạo ra chênh lệch rất lớn) giữa hai Cực (Thái cực và Thiếu cực) của Hạt (Lượng tử) mà vì thế sẽ làm cho Hạt bị ‘gãy’ và tạo ra các Hạt con...

Điều đó có nghĩa là Thái cực được Thiếu cực ‘bồi thêm’ tức là được Thiếu cực tương hỗ để tạo thành: Bằng phép Qui nạp, có thể khẳng định rằng Thái cực được Thiếu cực sinh ra.

Tam Nguyên Luận rút ra các định luật dưới đây:

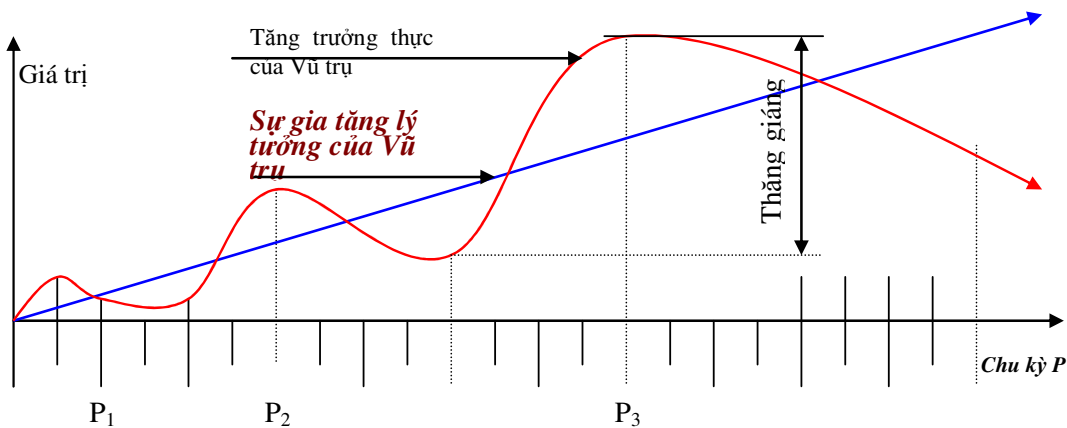
Định luật 35: Vũ trụ được sinh ra tại Thiếu cực và trôi dần về Thái cực của nó.

Chú ý: Các Định luật này phát biểu tổng quát chung cho mọi Sự vật và Hiện tượng đã và đang xảy ra trong Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội, không riêng gì cho Vũ trụ. Hay nói cách khác, sự phát biểu cho Vũ trụ hay cho các Lượng tử bất kỳ là đều nhằm vào mục đích tổng quát hoá.

Nhờ được sinh ra từ Thiếu cực mà Vũ trụ được hình thành và trôi dần vào ‘Vũ trụ’ (Vũ trụ bao gồm chính nó và các Cực của nó. Vì thế, ‘Vũ trụ’ ở đây bao gồm tất cả) để tạo ra Thái cực của Vũ trụ. Cho nên Tam Nguyên Luận lại rút ra định luật dưới đây:

Định luật 36: Thiếu cực của Vũ trụ sinh ra Thái cực của chính nó.

Điều đó cũng có nghĩa rằng Thiếu cực được sinh ra trước, Thái cực được sinh ra sau và Thái cực được sinh ra bởi Thiếu cực.



Đồ thị cho thấy rằng trước khi Vũ trụ gia tăng bao giờ nó cũng phải suy giảm (tạo ra Thiếu cực) để ‘tạo đà’ sau đó mới bắt đầu tăng lên (hình thành Thái cực) tạo nên sự thăng giáng. Điều này chứng tỏ rằng Thiếu cực sinh Thái cực

Chính vì vậy, trước khi có những cuộc cách mạng để phát triển thành Xã hội mới, trong Xã hội bao giờ cũng xuất hiện ‘sự tụt hậu’ làm cho Xã hội bị suy thoái: Sự tụt hậu này chính là Thiếu cực, sự sinh ra trước của Thiếu cực sẽ tạo ra sự đối kháng rất lớn cho Xã hội hiện tại nhờ vậy mà các quá

trình đấu tranh của Xã hội đối với ‘sự tụt hậu’ (sự tụt hậu sẽ sinh ra Thiếu cực hay nói cách khác là sự tụt hậu chính là Thiếu cực. Ngược lại, Xã hội mới đang được hướng tới chính là Thái cực trong tương lai) sẽ hình thành nên một cuộc cách mạng Xã hội (đó chính là sự trôi giạt của Xã hội).

Cũng giống như trên, cần làm rõ khái niệm ‘Trôi giạt’ của các ‘phong trào cách mạng’: Khởi đầu bất kỳ một cuộc cách mạng Xã hội nào cũng đều có sự manh mún nhỏ lẻ cũng như của rất nhiều tổ chức xã hội khác nhau, mỗi một tổ chức đều có một định hướng – đường lối – chủ trương riêng của mình nhưng đều có chung sự thống nhất là phải phấn đấu để tạo ra một xã hội mới văn minh hơn xã hội hiện tại, còn về phương thức tổ chức và thực hiện thì hoàn toàn tự phát không ai giống ai...

Cũng chính vì thế, rất nhiều sai lầm mà nhiều tổ chức mắc phải đã làm cho không ít tổ chức sai phương hướng và phải trả giá. Tuy nhiên, cuối cùng cũng có một số ít và cũng có thể chỉ có duy nhất một tổ chức tìm ra được phương hướng đúng đắn nhất và có thể ‘hiệu triệu’ được sự hưởng ứng của tất cả các tổ chức khác để thống nhất thành một Cao trào Cách mạng.

Khi cao trào cách mạng tăng lên cũng có nghĩa là Thái cực của Xã hội bắt đầu được hình thành và Lực lượng đấu tranh cách mạng đang thay vì ‘trôi dạt’ sẽ trở thành ‘hướng thẳng’ về Thái cực (các tầng lớp và giai cấp trong Xã hội tham gia vào cách mạng chính là sự qui tụ theo Nguyên lý Trôi dạt của các Lực lượng Xã hội về phía Thái cực). Điều này có thể được mô tả bởi đồ thị nói trên.

Qui luật Thiếu cực sinh Thái cực cũng là Qui luật Tự nhiên tất yếu thuận theo nguyên tắc ‘bé sinh ra lớn’...

Chú ý: Theo Học thuyết Bát Quái, Phương Đông Cổ đại từng cho rằng: Nhất thể sinh Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi sinh Tứ Tượng..., mà trong đó Tứ Tượng được tạo bởi sự phân cực từ Lưỡng Nghi như sau: Nghi Dương sinh Thái Dương và Thiếu Dương, Nghi Âm sinh Thái Âm và Thiếu Âm không có nghĩa là các Thái cực và Thiếu cực được sinh ra cùng một lúc mà phải căn cứ vào các Nguyên lý Sinh đã được trình bày ở Phần 2 – Quyển 2 đã nêu.

• *Hiệu ứng sinh Thiếu cực*

Qui luật của Tự nhiên luôn khiến cho con người phải loay hoay để tìm hiểu xem ‘con gà có trước hay quả trứng có trước’ bởi vì trên đây vừa mới nói rằng ‘Thiếu cực sinh ra Thái cực’.

Vậy thì cái gì sinh ra Thiếu cực và Thiếu cực được sinh ra lúc nào?

Nếu chưa có Thái cực thì cũng không có khái niệm Thiếu cực cũng có nghĩa là nếu Thái cực không được sinh ra thì Thiếu cực cũng không thể được sinh ra và càng không thể tồn tại. Nếu thế thì Thiếu cực và Thái cực được

sinh ra cùng lúc? Nếu vậy thì hoá ra nó mâu thuẫn với Nguyên lý ‘Thiếu cực sinh Thái cực’!

Sự Lệch Phase của các Quá trình Hình thành của Tự nhiên khiến cho các Cặp không bao giờ có thể được sinh đồng thời mà luôn có sự trước sau nhau giữa chúng dù là sự lệch về Thời gian giữa chúng vô cùng nhỏ. Thế nhưng, để lý giải được sự hình thành trước – sau của Thái cực và Thiếu cực thì đây quả là một vấn đề hết sức phức tạp vì nó quyết định ‘Vận mệnh của cả Vũ trụ’. Vấn đề này sẽ được trình bày cụ thể và đầy đủ hơn trong Toán học Mơ hồ – Quyển 3.

Nếu nắm bắt được qui luật này, những nghiên cứu về các Hạt Vật lý sẽ đạt được thành tựu hết sức bất ngờ: Nó cho phép thực hiện các tương tác Hạt cũng như các tác động Gia tốc Hạt để thực hiện các Phản ứng Hạt một cách thuận lợi và khoa học...

Như đã trình bày ở các phần trước rằng Vũ trụ, Tự nhiên cũng như Xã hội có thể được hình thành và phát triển thông qua hai hình thức cơ bản và được biểu thị bởi các hệ thức toán học dưới đây:

○ **Hình thức đột biến:**

$$U = 0$$

$$\Rightarrow U = P + N$$

Đây là hình thức xảy ra cũng rất phổ biến trong Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội. Tuy nhiên, không thể trông chờ vào sự đột biến này bởi vì những qui luật của sự đột biến thường rất khó nắm bắt và đôi khi đem lại những hậu quả rất xấu, không theo ý muốn, ngoài dự đoán mặc dù Tam Nguyên Luận cũng đã nắm bắt được những qui luật cơ bản của hình thức đột biến nhưng cũng không dám chắc có thể thống kê được tất cả hay không mà cũng chỉ tổng quát hoá theo nguyên tắc xác suất – thống kê mà thôi.

○ **Hình thức Kế thừa và phát huy**

Đây là hình thức rất dễ xảy ra và dễ dàng nắm bắt được qui luật vì nó có tính ‘biện chứng’ và cụ thể qua sự diễn đạt bởi các hệ thức dưới đây:

$$U \neq 0$$

$$\Rightarrow U = \text{Minus}U + \text{Over}U$$

Vậy thì MinusU và OverU ở đâu ra? Hãy giả sử rằng Quá trình Phát triển của Vũ trụ được thông qua một Chuỗi Lượng tử Vô hạn với n Thế hệ Lượng tử đã từng được trải qua từ Q_1 đến Q_n . Giả sử rằng Giá trị U đạt được đang ở Thế hệ thứ n tức là:

$$U = Q_n$$

Trước khi đạt được Thế hệ này (Q_n) thông qua các giai đoạn tiến hoá và phát triển dĩ nhiên nó cũng phải thông qua các giai đoạn đã được tạo ra từ các Q_1 cho đến Q_{n-1} . Vì lẽ đó, Thế hệ trước đó (tức là Q_{n-1}) chính là

MinusU hay là Minus Q_n như đã từng được định nghĩa theo Nguyên lý Lượng tử hoá. Như vậy, sự phát triển của Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội một lần nữa lại được làm rõ nghĩa hơn bởi các hệ thức dưới đây:

$$U = \text{Minus}U + \text{Over}U$$

$$\Leftrightarrow (U = Q_n) \text{ and } (\text{Minus}U = Q_{n-1}) \text{ and } (\text{Over}U = Q_{n+1})$$

$$\Rightarrow U = Q_{n-1} + Q_n$$

Theo các hệ thức trên, dễ thấy rằng, Vũ trụ, Tự nhiên cũng như Xã hội rất khôn ngoan khi biết kế thừa hai Thế hệ liên tiếp gồm Q_{n-1} và Q_n để tạo ra một Thế hệ mới là Q_{n+1} trong tương lai.

Vậy thì tại sao Vũ trụ không tự kế thừa chính nó để tạo ra một Vũ trụ mới theo hệ thức dưới đây:

$$U = U + U = ?$$

Hãy đặt giả thiết rằng, sự ‘Tiến hoá’ của Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội giống như hiện tượng lai giống: Giống mới phải được tạo thành nhờ sự phối hợp giữa hai giống loài khác nhau theo các hệ thức dưới đây:

$$F_1 + F_2 = F_3$$

$$F_1 + F_1 = F_1$$

$$F_2 + F_2 = F_2$$

Như vậy, nếu Vũ trụ chỉ tự kế thừa chính nó thì cũng có thể được mô tả bởi hệ thức dưới đây:

$$\forall U \rightarrow U = U + U$$

Thậm chí, có thể tổng quát hoá Nguyên lý Tự kế thừa như hệ thức dưới đây:

$$\forall U \rightarrow U = U + U + \dots + U$$

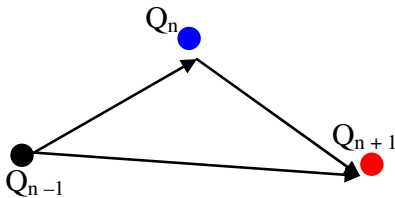
Điều đó có nghĩa là Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội chỉ có thể phát triển thuần tuý dựa trên Nguyên lý kế thừa có phát huy bởi chính bản thân nó với một ‘nó trước đó’ hoặc một ‘nó sẽ được sinh ra’:

Hãy cắt nghĩa thêm về ‘nó trước đó’, theo như đã được đề cập trên, Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội đều phải được phát triển thông qua rất nhiều giai đoạn. Ứng với mỗi một giai đoạn là một Thế hệ Phát triển mà Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội đã từng đạt được. Vì thế, hiển nhiên rằng để có một ‘nó hiện tại’ thì nó cũng phải từng có và đã từng trải qua một ‘nó trước đây’.

Một cách biện chứng có thể chấp nhận được là những gì mà nó đã từng trải qua thì nó cũng có thể lặp lại được hoặc cũng có thể làm tái hiện được. Chính vì thế, nó phải làm tái hiện Thế hệ trước đó (Q_{n-1}) để có thể kế thừa với Thế hệ hiện tại (Q_n) cho việc tạo ra một Thế hệ mới (Q_{n+1}).

Còn việc phối hợp với một ‘nó sẽ được sinh ra’ trong tương lai? Hiển nhiên sẽ được nhưng như thế thì nó phải sinh ra ‘nó sẽ sinh ra’ trước đã thì mới có thể thực hiện được phép ‘giao phối’ này. Nhưng lúc đó, kết quả của

nó không phải là Thế hệ tương lai (Q_{n+1}) mà phải là Thế hệ Tương lai của Tương lai (tức là Q_{n+2}) vì nó ‘đã’ kế thừa hai Thế hệ Q_n và Q_{n+1} . **Đó chính là Hiệu ứng sinh Thiếu cực.** Có nghĩa là phải có một Thế hệ Quá khứ (chính là Thiếu cực) để hợp với Thế hệ Hiện tại thì mới có thể hình thành nên một Thế hệ Mới (Thái cực).



Sự phát triển của Q_n được định hướng bởi Vector hợp thành giữa nó với Q_{n-1} để tạo ra Q_{n+1} . Đồng thời, động lực được tạo bởi Sai số giữa $Q_n - Q_{n-1}$ sẽ giúp nó tạo ra Q_{n+1} .

Vậy, nói tóm lại, cần phải có một điểm tựa (chính là Thế hệ hiện tại) và một sự định hướng được hợp bởi một Thế hệ nào đó trong Quá khứ để hình thành nên một động lực cũng như xu hướng phát triển biện chứng cho Vũ trụ, Tự nhiên và Xã hội như được mô tả bởi hình bên đây:

Đặc biệt, sự đối kháng giữa Q_n và Q_{n-1} được gọi là Đối kháng Tương Sinh, nhờ đó mà Q_{n+1} mới được sinh ra.

Vậy thì Đối kháng Tương Sinh được gọi là gì? Đây là khái niệm cần phải được làm rõ hơn sự phát biểu một cách chung chung của Triết học và Chủ nghĩa Duy vật Biện chứng rằng ‘Sự đối kháng là động lực thúc đẩy cho sự phát triển’!!! Thực chất, Tam Nguyên Luận cũng như Phương Đông Cổ đại cũng đã sớm nhận thức rằng không phải ‘đối kháng’ nào cũng là động lực thúc đẩy cho sự phát triển mà Đối kháng phải được chia thành hai loại: Đối kháng Tương Sinh và Đối kháng Tương Khắc.

Đối kháng Tương khắc hay còn gọi là Đối kháng Triệt tiêu là sự đối kháng chống lại sự phát triển, không những vậy nó còn gây nên sự triệt tiêu ngược lại đối với sự phát triển.

Chỉ có duy nhất Đối kháng Tương Sinh mới có lợi cho phát triển. Vậy thì Đối kháng Tương Sinh là loại đối kháng như thế nào?

Cần phải nhắc lại các hệ thức phát triển dưới đây:

$$Q_{n+1} = Q_{n-1} + Q_n$$

Trong đó, Q_{n+1} được phát triển bởi Q_{n-1} và Q_n . Dĩ nhiên sự phát triển của Q_{n+1} là nhờ vào sự Đối kháng Tương Sinh giữa Q_{n-1} và Q_n .

Bây giờ, vấn đề còn lại là phải phân tích và lý giải thật rõ ràng về bản chất Đối kháng Tương Sinh giữa Q_{n-1} và Q_n . Để hiểu được vấn đề này, lại phải nghiên cứu tiếp một hiện tượng Vật lý dưới đây:

- **Hiệu ứng sinh Vô cực**

Tam Nguyên Luận chứng minh được rằng, Đối kháng Tương Sinh chỉ được tạo ra nhờ sự đối kháng giữa một Cực với một Vô cực.

Vậy thì Vô cực là gì và được sinh ra từ đâu? Hãy bám chắc vào Nguyên lý Âm – Dương Tương đối và Tuyệt đối rằng có hai hình thức đối lập gồm đối lập tương đối và đối lập tuyệt đối: Đối lập Tương đối xảy ra đối với hai Lượng bất kỳ có cùng Thuộc tính nhưng khác nhau về Giá trị. Ngược lại lại, Đối lập Tuyệt đối xảy ra đối với hai Lượng tử cò cùng Giá trị Tuyệt đối nhưng khác nhau về Thuộc tính.

Nói như vậy thì nếu như hai Lượng tử bất kỳ khác nhau về Thuộc tính nhưng không bằng nhau về Giá trị Tuyệt đối thì thay vì phải Đối lập Tuyệt đối nó sẽ trở thành Đối lập Tương đối? Đúng như vậy, sự khác nhau về Giá trị Thuộc tính sẽ gây cho các Lượng tử những Thuộc tính biến thái khác và làm cho chúng chỉ có thể Đối kháng Tương đối mà không thể Đối kháng Tuyệt đối nên chúng không thể triệt tiêu lẫn nhau (hai Lượng tử chỉ có thể triệt tiêu lẫn nhau khi chúng có sự Đối kháng Tuyệt đối).

Chính vì vậy, theo Nguyên lý Lượng tử hoá, hệ thức biểu đạt sự xác định Giá trị của các Lượng tử hoá sẽ được trình bày như dưới đây:

$$Q_n = Q_0 \cdot 2^n;$$

$$Q_n = 2Q_{n-1} \Leftrightarrow Q_n - 1 = \frac{1}{2}Q_n$$

Từ đó cho thấy rằng, dù Q_{n-1} là Âm hay Dương thì giữa Q_{n-1} và Q_n cũng chỉ xảy ra sự đối kháng tương đối mà thôi.

Ngoài ra, cũng theo Nguyên lý Lượng tử hoá, hệ thức tổng quát diễn đạt mối quan hệ giữa các Thế hệ Lượng tử lân cận như dưới đây:

$$Q_{n-1} = \text{Minus}Q_n;$$

$$Q_{n+1} = \text{Over}Q_n$$

$$\text{Trong đó, } Q_{n-1} = Q_n - L, \quad Q_{n+1} = Q_n + L$$

$$\Rightarrow Q_{n-1} = Q_n \wedge (-L), \quad Q_{n+1} = Q_n \wedge (+L)$$

Hãy gọi +L và -L là các Lượng tử mang dấu thì có nghĩa rằng Q_{n+1} được gọi là Lượng tử chứa một Lượng tử mang dấu Dương (+L) và Q_{n-1} được gọi là Lượng tử chứa một Lượng tử mang dấu Âm (-L).

Như vậy, các Lượng tử mang dấu Dương và Âm phải được chứa bởi một Lượng tử Trung hoà và được gọi là Lượng tử Mang là Q_n . Vì thế, Q_n được gọi là Vô cực.

Đồng thời, nếu Q_n bị loại khỏi Minus Q_n và Over Q_n thì các Lượng tử mang dấu còn lại là +L và -L sẽ trở thành Đối kháng Tuyệt đối.

Điều đó chứng tỏ rằng, một Lượng tử Q_n bất kỳ có thể trở thành Vô cực để cho một Cặp Lượng tử khác có thể đối kháng nhau qua nó (thông qua Cặp Lượng tử mang dấu đối kháng nhau tuyệt đối). Đó chính là Hiệu ứng sinh Vô cực.

Trên cơ sở đó, vấn đề đã được giải quyết: Vũ trụ phải tạo ra một MinusU để ‘vay’ một lượng là -L để có thể tạo ra một lượng +L cho OverU.

Cũng chính vì vậy, Vật lý Hiện đã xác nhận sự tồn tại của vô số các Hạt Trung hoà chẳng hạn như Neutron luôn tồn tại trong các Hạt nhân Nguyên tử và cũng chứng minh được vai trò tích cực của Neutron trong việc gắn kết sự quan hệ bền vững giữa các Proton với nhau.

Không những vậy, các Neutron còn có tác dụng giữ cho quan hệ giữa các Proton với các Electron trong một trường tương tác bền vững...

Đặc biệt, Neutron có vai trò cực kỳ lợi hại trong các quá trình bán rã của Nguyên tố mà trong đó Uranium²³⁵ là Nguyên tố chịu ảnh hưởng lớn nhất của Neutron.

Những bằng chứng nói trên cho phép khẳng định rằng, các quá trình bán rã cấu trúc hay các quá trình phát triển (bán rã chính là bản chất và hình thức của sự phát triển) đều phải nhờ sự tác động của Vô cực (Trung hoà).

- **Hiệu ứng Loại trừ Vô cực**

Một hiện tượng rất lý thú khi MinusU và OverU ‘giao nhau’ thì Vô cực sẽ bị loại trừ như sự mô tả bởi các hệ thức dưới đây:

$$\begin{aligned} Q_{n-1} &= \text{Minus}Q_n, Q_{n+1} = \text{Over}Q_n \\ Q_{n-1} &= Q_n \wedge (-L), Q_{n+1} = Q_n \wedge (+L) \\ \Rightarrow \text{Minus}U \wedge \text{Over}U &= (Q_n \wedge (-L)) \wedge (Q_n \wedge (+L)) \\ &= -L \wedge +L \end{aligned}$$

Đó chính là Hiệu ứng Loại trừ Vô cực. Chính vì thế, giữa MinusU và OverU luôn tồn tại đồng thời hai hình thức đối kháng gồm Đối kháng Tuyệt đối và Đối kháng Tương đối: Đối kháng Tuyệt đối (Loại trừ) chỉ xảy ra đối với Cặp Lượng tử mang dấu giữa chúng. Đối kháng Tương đối dựa trên sự chênh lệch Giá trị giữa chúng.

- **Hiệu ứng luỹ tiến**

Hiệu ứng luỹ tiến hay còn gọi là Hiệu ứng tích luỹ chính là phép cộng Giá trị Tương đối giữa MinusU và OverU và được mô tả bởi các hệ thức dưới đây:

$$\begin{aligned} Q_{n-1} &= \text{Minus}Q_n, Q_{n+1} = \text{Over}Q_n \\ \text{Trong đó, } Q_{n-1} &= Q_n - L, Q_{n+1} = Q_n + L \\ \text{Với } L &= \pm \frac{1}{2}Q_n \\ \Rightarrow Q_{n-1} &= \frac{1}{2}Q_n, Q_{n+1} = \frac{3}{2}Q_n \\ \Rightarrow U_R &= \text{Minus}U + \text{Over}U = 2U; \\ \text{and } U_A &= \text{Minus}U \wedge \text{Over}U = -L \wedge +L = U \end{aligned}$$

Trong đó, U_A là Giá trị Tuyệt đối của U, U_R là Giá trị Tương đối của U. Tức là, U luôn được tạo bởi hai Giá trị khác nhau gồm Giá trị Tương đối giúp cho nó Tồn tại và Giá trị Tuyệt đối giúp cho nó Cân bằng với các điều kiện cân bằng ban đầu của nó. Đó chính là Hiệu ứng Luỹ tiến.